

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

**CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
TỪ THỰC TIỄN HUYỆN MỸ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và luật Hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. VŨ TRỌNG HÁCH

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện Khoa học xã hội.

Vậy tôi viết lời cam đoan này đề nghị Học viện xem xét để tôi có thể bảo vệ luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Thúy Vân

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

PBGDPL:	Phổ biến giáo dục pháp luật
UBND:	Ủy ban nhân dân
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....	7
1.1. Những khái niệm cơ bản	7
1.2. Những quy định của pháp luật về chứng thực của Ủy ban nhân dân xã ..	13
1.3. Vai trò của chứng thực của Ủy ban nhân xã	19
1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân xã	22
Chương 2: THỰC TRẠNG CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TỪ THỰC TIỄN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI..	26
2.1. Khái quát chung về huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.....	26
2.2. Thực trạng pháp luật về chứng thực của Ủy ban nhân dân xã.....	28
2.3. Thực trạng thực hiện chứng thực Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.....	42
2.4. Đánh giá chung	46
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ	57
3.1. Quan điểm hoàn thiện chứng thực Ủy ban nhân dân xã	57
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	61
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC THAM KHẢO.....	75

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực tế cho thấy, xã hội ngày càng phát triển, chứng thực là nhu cầu tất yếu của cuộc sống, xuất phát từ nhu cầu giao dịch của công dân, tổ chức và nhu cầu quản lý của chính nhà nước. Nhu cầu này càng ngày càng tăng do sự mở rộng và phát triển của quan hệ pháp luật. Để phục vụ nhu cầu giao dịch của mình người dân có thể sử dụng một lúc nhiều loại giấy tờ hoặc một loại giấy tờ vào nhiều mục đích, nhiều việc khác nhau. Từ đó nhu cầu chứng thực ngày càng tăng và chứng thực là biện pháp mà Nhà nước thực hiện nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên tham gia các giao dịch có sử dụng các “bản sao y bản chính”, đảm bảo an toàn cho quản lý nhà nước.

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), nước ta đang tích cực xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì việc đẩy mạnh cải cách tổng thể nền hành chính quốc gia, xây dựng nền hành chính trong sạch, hiện đại, hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công dân, thì việc cải cách trong lĩnh vực tư pháp nói riêng, đặc biệt là trong chứng thực là đòi hỏi tất yếu khách quan của sự phát triển. Nhằm đáp ứng nhu cầu chứng thực ngày càng tăng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp lý về chứng thực, Nhà nước ta đã chú trọng ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực: Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về “Công chứng, chứng thực”; Nghị định số 79/2007/NĐ-CP về “Cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký”; Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP về “Cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký”; Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của

Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch hôn nhân và gia đình và chứng thực; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP*). Hiện nay hoạt động chứng thực thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Đây là bước tiến quan trọng trong cải cách tư pháp.

Với những quy định mới như thời gian giải quyết chứng thực được rút ngắn đến mức tối đa, thẩm quyền chứng thực cũng được mở rộng, cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn cơ quan có thẩm quyền yêu cầu chứng thực văn bản, giấy tờ phục vụ cho công việc của mình một cách thuận tiện nhất thì Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã góp phần không nhỏ trong việc cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt phiền hà cho người dân.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, nhiều bất cập cũng đã phát sinh từ yếu tố thể chế chứng thực đến công tác tổ chức thực hiện, gây không ít khó khăn cho người dân khi yêu cầu chứng thực cũng như cán bộ thực hiện công tác chứng thực, cụ thể:

- Chưa quy định cụ thể về thủ tục chứng thực từng loại hợp đồng, giao dịch mà chỉ quy định một thủ tục chứng thực chung về hợp đồng, giao dịch;
- Quy định thời gian giải quyết chứng thực ngay trong buổi làm việc gây nhiều khó khăn cho cán bộ chuyên môn làm công tác chứng thực;
- Thủ tục chứng thực một số vụ việc cụ thể còn chưa phù hợp;
- Nguyên tắc người yêu cầu chứng thực chữ ký phải ký trước mặt người chứng thực chữ ký còn nhiều bất cập trong quá trình thực hiện;

- Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác chứng thực chưa được quan tâm đúng mức.

Từ đó có thể thấy, rất cần thiết phải hoàn thiện một hệ thống pháp lý về chứng thực, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp quản lý hoạt động chứng thực phù hợp với thực tiễn biến động của hoạt động chứng thực một cách hiệu quả. Với ý nghĩa đặc biệt quan trọng đó, việc nghiên cứu hoạt động chứng thực nói chung, nghiên cứu hoạt động chứng thực của UBND xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội nói riêng là một nội dung có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về mặt khoa học và thực tiễn. Với nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của hoạt động chứng thực trong việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển, đáp ứng được yêu cầu của Đảng, Nhà nước trong cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tôi chọn đề tài “Chứng thực của UBND xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội” làm đề tài luận văn Thạc sĩ Luật hiến pháp và Luật hành chính, mã số 60 38 01 02.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động chứng thực, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về chứng thực nói chung và quản lý chứng thực nói riêng. Cho đến nay đã có rất nhiều đề tài nghiên cứu về lĩnh vực này như sau:

- Luận văn thạc sĩ: “ *Chứng thực của Ủy ban nhân dân phường từ thực tiễn quận Đống Đa, thành phố Hà Nội*” của tác giả Phùng Phương Anh năm 2013;

- Luận văn thạc sĩ: “*Quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội*” của tác giả Văn Diệu Kiều Oanh năm 2014;

- Luận văn thạc sĩ: “*Quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn thành phố Hà Nội*” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương năm 2015;

- Luận văn thạc sĩ: “*Quản lý nhà nước về chứng thực ở cấp xã, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội*” của tác giả Vũ Thị Trang, năm 2015;

- Bộ Tư pháp, “*Đặc san tuyên truyền pháp luật số 02/2015 – Chủ đề pháp luật về chứng thực*”, Vũ Thị Thảo (2015), Hà Nội.

- Bộ Tư pháp – Cục hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, “*Vị trí, vai trò của pháp luật chứng thực trong hệ thống pháp luật Việt Nam*”, của tác giả Nguyễn Thu Hương năm 2015.

Những công trình trên đã tiếp cận vấn đề chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực ở nhiều khía cạnh khác nhau và những góc độ khác nhau, làm phong phú cơ sở lý luận về hoạt động này. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu, luận văn, bài viết nào công bố về chứng thực của UBND xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Đặc biệt là chưa có luận văn nào về chứng thực của UBND xã theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

Với đề tài “*Chứng thực của Ủy ban nhân dân xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội*” bên cạnh việc kế thừa những giá trị khoa học của các công trình đã được bảo vệ, công bố, tôi mong muốn đóng góp cách tiếp cận mới về hoạt động chứng thực của cấp xã. Mặt khác, không trùng lặp về phạm vi và đối tượng nghiên cứu để khẳng định không trùng lặp với các đề tài trước.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

a. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về chứng thực của UBND xã nói chung và trên địa bàn huyện Mỹ Đức nói riêng. Từ đó đưa ra được những thành tựu, hạn chế và tìm kiếm giải pháp hoàn thiện pháp luật về chứng thực và giải pháp thực hiện hiệu quả hơn chứng thực của Ủy ban nhân dân xã.

b. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về chứng thực của Ủy ban nhân dân xã.
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về chứng thực và thực trạng tổ chức thực hiện chứng thực của Ủy ban nhân xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.
- Quan điểm và giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và thực thi pháp luật về chứng thực của UBND xã.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu pháp luật và hoạt động chứng thực Ủy ban nhân dân xã. Luận văn nghiên cứu sâu về hoạt động chứng thực của UBND xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

b. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề về chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã từ năm 2012 đến 2016;

Về không gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn hoạt động chứng thực của UBND xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu dựa trên lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, về cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Trên cơ sở luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như phương pháp so sánh, phương pháp đánh giá, phương pháp chứng minh, phương pháp thu thập thông tin, phương pháp phân tích và tổng hợp, thống kê và so sánh được sử dụng để thu thập, phân tích và khai thác thông tin từ các nguồn có sẵn liên quan đến đề tài

nghiên cứu. Bao gồm các văn kiện, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, các bộ ngành, các tài liệu, công trình nghiên cứu, các báo cáo thống kê của chính quyền liên quan đến vấn đề chứng thực tại nước ta nói chung và thực tế huyện Mỹ Đức nói riêng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Về phương diện lý luận: Đây là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống các quy định về chứng thực của UBND xã và thực tiễn áp dụng các quy định đó trên địa bàn huyện Mỹ Đức. Khi được hoàn thiện, luận văn sẽ góp phần thiết thực vào việc hoàn thiện hệ thống pháp lý về chứng thực, góp phần vào việc cải cách tư pháp, cải cách hành chính.

- Về phương diện thực tiễn: Qua việc phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động chứng thực tại các xã huyện Mỹ Đức, luận văn sẽ cho thấy những thuận lợi và khó khăn trong quản lý hoạt động chứng thực ở cấp xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức. Đồng thời, đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động chứng thực của UBND cấp xã; Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực chứng thực.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, mục lục. Luận văn được kết cấu thành 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về chứng thực của UBND xã

Chương 2: Thực trạng chứng thực của UBND xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

Chương 3: Quan điểm và giải pháp hoàn thiện chứng thực của UBND xã

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

1.1. Những khái niệm cơ bản

1.1.1. Khái niệm chứng thực

Việc xác định khái niệm chứng thực là vấn đề mấu chốt của hoạt động chứng thực, có vai trò lý luận cũng như thực tiễn vô cùng quan trọng, nó không những ảnh hưởng đến mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động mà căn cứ vào đó người ta có thể xác định phạm vi, nội dung, thậm chí đến quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức tham gia quan hệ pháp luật chứng thực.

Dưới góc độ ngôn ngữ, theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ, Nxb Đà Nẵng năm 1997 có một số định nghĩa có liên quan đến chứng thực, sao: “Sao. Chép lại hoặc tạo ra bản khác theo đúng bản gốc (thường nói về giấy tờ hành chính). Sao đúng nguyên văn một tài liệu. Sao y bản chính. Bản sao”[41, tr.817]. Còn về xác nhận được giải thích: “Xác nhận thừa nhận đúng sự thật chữ kí, xác nhận lời khai”[41, tr.1101]. Về chứng thực được định nghĩa “Nhận cho để làm bằng là đúng sự thật. Chứng thực lời khai. Xác nhận là đúng. Thực tiễn đã chứng thực điều đó”[41, tr.186]. Như vậy, nghĩa của từ “chứng thực” xét về góc độ ngôn ngữ còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau.

Từ góc độ pháp lý, khái niệm “chứng thực” được hiểu theo nhiều khía cạnh khác nhau theo từng thời kỳ, từ khoa học pháp lý nước ngoài cũng như khoa học pháp lý trong nước.

Ở nước ngoài, quan niệm khoa học pháp lý một số nước, thuật ngữ chứng thực được đưa ra gắn liền với những việc làm, hành động cụ thể mà không đưa ra khái niệm về chứng thực như:

“Việc chứng thực áp dụng đối với chữ ký, bản sao chụp, trích lục, sao chép hoặc bản dịch” (Điều 2 khoản 3 Luật công chứng của Thụy Sĩ).

Theo quy định của Luật công chứng Cộng hoà liên bang Đức ngày 28/9/1969 tại chương III có quy định các việc công chứng khác, điều chỉnh về chứng thực. Cụ thể tại Khoản 1, Điều 42 quy định chứng thực bản sao: “*Khi chứng thực bản sao một văn bản cần xác định đó là bản chính*”. Tại Điều 39 Luật này cũng quy định về chứng thực đơn giản: Khi chứng thực chữ ký, dấu vân tay, tên hăng cũng như khi chứng thực thời điểm xuất trình giấy tờ cá nhân, chứng thực việc đã vào sổ đăng ký hoặc chứng thực các bản sao lục và các văn bản đơn giản khác thì chỉ cần một văn bản công chứng thay vì biên bản công chứng, trong đó có chữ ký, dấu niêm phong và ghi rõ ngày, nơi lập, văn bản công chứng là đủ.

Tại khoản 1, 2, 3 Điều 40 của Luật này quy định về chứng thực chữ ký: Một chữ ký chỉ được chứng thực bởi công chứng viên biết chữ ký hoặc lấy được chữ ký đó; Công chứng viên chỉ cần kiểm tra lại văn bản xem có tồn tại lý do nào đó gây phương hại đến việc hành nghề của mình; Khi chứng thực phải khái quát nhân thân đương sự - người mà công chứng viên biết hoặc lấy được chữ ký và phải nói rõ là công chứng viên biết trước chữ ký hay vừa lấy chữ ký [34, tr3].

Ở Việt Nam, sau khi cách mạng tháng 8 thành công Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 59/SL ngày 15/11/1945 ấn định thể lệ việc thị thực các giấy tờ sử dụng thuật ngữ “thị thực”: Các Ủy ban có quyền thị thực tất cả các giấy má trong địa phương mình, bất kỳ người

đương sự làm giấy má ấy thuộc về quốc tịch nào. Tuy nhiên, Ủy ban thị thực phải là Ủy ban ở trú quán một bên đương sự lập ước và về việc bất động sản phải là Ủy ban ở nơi sở tại bất động sản [19, Điều thứ hai].

Sau khi Luật đất đai năm 1993 và Bộ luật dân sự năm 1995 có hiệu lực thi hành ngày 18/5/1996 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/CP về toote chức và hoạt động công chứng quy định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh chứng thực các việc do pháp luật quy định và chứng thực bản sao giấy tờ từ bản chính. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng thực việc từ chối nhận di sản, chứng thực di chúc và các việc khác do pháp luật quy định, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bản chính giấy tờ như giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn, văn bằng chứng chỉ và các giấy tờ khác có quyền cấp bản sao các giấy tờ đó cho đương sự [9, Điều 19].

Hoạt động công chứng và chứng thực bước đầu có sự tách bạch khi Chính Phủ ban hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP về công chứng, chứng thực. Đây là văn bản đầu tiên đưa ra khái niệm “chứng thực” là gì: Chứng thực là việc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xác nhận sao y giấy tờ, hợp đồng, giao dịch và chữ ký của cá nhân trong các giấy tờ phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch của họ theo quy định của Nghị định này” [10, Điều 2].

Thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về cải cách hành chính và cải cách tư pháp ngày 18/5/2007 Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2007/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký đã đưa ra khái niệm về chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký:

”Cấp bản sao từ sổ gốc là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc phải có nội dung đúng với nội dung ghi trong sổ gốc”

“Chứng thực bản sao từ bản chính là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính”;

“Chứng thực chữ ký là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người đã yêu cầu chứng thực” [12, Điều 2].

Hiện nay, hoạt động chứng thực được điều chỉnh bởi Nghị định số 23/2015/NĐ-CP khái niệm chứng thực được giải thích bằng những từ ngữ dưới đây:

1. “Cấp bản sao từ sổ gốc” là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.

2. “Chứng thực bản sao từ bản chính” là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.

3. “*Chứng thực chữ ký*” là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực.

4. “*Chứng thực hợp đồng, giao dịch*” là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch” [18, Điều 2].

Có thể thấy, những khái niệm chứng thực gắn liền với những thay đổi của xã hội nước ta, ở các giai đoạn khác nhau thì khái niệm về chứng thực ngày càng được quy định rõ ràng, cụ thể. Tuy nhiên khái niệm chứng thực

mới chỉ gắn với một việc cụ thể nào đó. Từ những khái niệm nêu trên có thể đưa ra một khái niệm chung nhất, bao quát đúng bản chất của hoạt động chứng thực như sau: *Chứng thực là việc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chứng thực xác nhận tính chính xác, tính có thực của các giấy tờ, văn bản được chứng thực so với bản chính và sổ gốc; xác nhận tính chính xác, tính có thực chữ ký của cá nhân; xác nhận tính chính xác, có thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch, năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.*

1.1.2. Chứng thực của Ủy ban nhân dân xã

1.1.2.1. Khái niệm

Ở Việt Nam hiện nay, chứng thực được coi như một dịch vụ công, mà nhà nước cung ứng còn người dân là “khách hàng” và Nhà nước có nghĩa vụ cung ứng để phục vụ đời sống xã hội. Chứng thực là một công việc do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện dựa trên thẩm quyền, để phục vụ nhu cầu cá nhân, tổ chức trong xã hội nhằm đảm bảo an toàn cho các quan hệ pháp luật mà các cá nhân, tổ chức tham gia. Các cơ quan hành chính nhà nước (Cụ thể là UBND cấp huyện và UBND cấp xã) thực hiện chứng thực nhằm đảm bảo tính xác thực và tính có giá trị pháp lý của các giấy tờ được sao y bản chính, chữ ký của công dân và các sự kiện pháp lý khác được pháp luật quy định.

Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên [31, khoản 1, Điều 8].

Là một trong những chức năng của Ủy ban nhân dân cấp xã, chứng thực là hoạt động mà Ủy ban nhân dân xã cung cấp dịch vụ hành chính công theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức.

Từ nhận thức trên ta có thể đưa ra khái niệm chứng thực của Ủy ban nhân dân xã như sau:

“Chứng thực của Ủy ban nhân dân xã là hoạt động mang tính hành chính nhà nước do ủy ban nhân dân xã thực hiện việc cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản (trừ việc chứng thực chữ ký là người dịch) là chữ ký của người yêu cầu chứng thực; xác nhận thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch là có thật tại thời điểm giao kết”.

1.1.2.2. Đặc điểm chứng thực của Ủy ban nhân dân xã

Chứng thực của UBND xã là hoạt động chứng thực được thực hiện bởi UBND cấp xã – cơ quan hành chính tại địa phương theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Do đó, chứng thực của UBND xã mang đầy đủ đặc điểm của hoạt động chứng thực nói chung, đó là:

- Hoạt động chứng thực của UBND xã mang tính chất hành chính. Theo đó, UBND xã khi thực hiện chứng thực phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền như luật định.

- Hoạt động chứng thực của UBND xã là hoạt động xác nhận giá trị pháp lý của văn bản được chứng thực.

Bản sao được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch;

Bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch;

Chữ ký được chứng thực theo quy định của pháp luật có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản;

Hợp đồng, giao dịch được chứng thực theo quy định của pháp luật có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

1.2.Những quy định của pháp luật về chứng thực Ủy ban nhân dân xã

1.2.1.Thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực của UBND xã:

- Chứng thực tính có thật của bản sao từ sổ gốc: Khi chứng thực bản sao từ sổ gốc UBND xã phải căn cứ vào sổ gốc do cơ quan đang quản lý để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.

- Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận:UBND xã theo thẩm quyền căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.

- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản trừ việc chứng thực chữ ký người dịch: là việc UBND xã chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực là có thật.

- Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người

sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở; Chứng thực di chúc; Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản; Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, là nhà ở theo quy định của Luật nhà ở. Khi chứng thực các hợp đồng, giao dịch UBND xã chỉ phải chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch mà không phải chịu trách nhiệm về nội dung của hợp đồng.

1.2.2. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện chứng thực

Chứng thực là hoạt động của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện chứng thực bản sao từ sổ gốc, bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng giao dịch và chịu trách nhiệm về tính xác thực của văn bản, giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì UBND cấp xã là một trong những chủ thể có thẩm quyền thực hiện chứng thực và có đầy đủ nghĩa vụ, quyền của các chủ thể thực hiện chứng thực chứng thực. Cụ thể, khi thực hiện chứng thực chủ thể thực hiện chứng thực phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm trung thực, chính xác, khách quan khi thực hiện chứng thực.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chứng thực của mình.
- Không được chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em một của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi.

- Từ chối chứng thực trong các trường hợp quy định của pháp luật (người thực hiện chứng thực phải giải thích rõ lý do bằng văn bản cho người yêu cầu chứng thực. Hướng dẫn người yêu cầu chứng thực bổ sung hồ sơ, nếu hồ sơ chứng thực chưa đầy đủ hoặc hướng dẫn nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền chứng thực, nếu nộp hồ sơ không đúng cơ quan có thẩm quyền).
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin cần thiết để xác minh tính hợp pháp của giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực.
- Lập biên bản tạm giữ, chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực được cấp sai thẩm quyền, giả mạo hoặc có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của các nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân [18, Điều 9].

1.2.3.Trình tự, thủ tục thực hiện chứng thực của Ủy ban nhân dân xã

Thủ tục chứng thực của UBND xã được thực hiện theo cơ chế “một cửa”. Quy chế “một cửa” được thực hiện theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa lên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Hoạt động chứng thực ở cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa có vai trò rất quan trọng. Bởi vì, theo cơ chế một cửa UBND cấp xã thực hiện giải quyết yêu cầu chứng thực của cá nhân, tổ chức từ hướng dẫn thủ tục hành chính, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả được thực hiện tại một đầu mối là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã. Theo đó, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả là đầu mối tập trung hướng dẫn thủ tục hành chính, tiếp

nhận hồ sơ của các nhân, tổ chức để chuyển đến các công chức chuyên môn hoặc cấp có thẩm quyền giải quyết và nhận, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

Theo cơ chế một cửa, việc giải quyết chứng thực tại UBND xã được thực hiện dựa trên nguyên tắc:

- + Thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, đúng pháp luật;
- + Công khai, đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính;
- + Bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức; việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện không quá một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ tại cơ quan chuyên môn;
- + Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong công việc giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức;
- + Việc thu phí, lệ phí của cá nhân, tổ chức được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trình tự giải quyết chứng thực của UBND xã theo cơ chế một cửa gồm 4 bước:

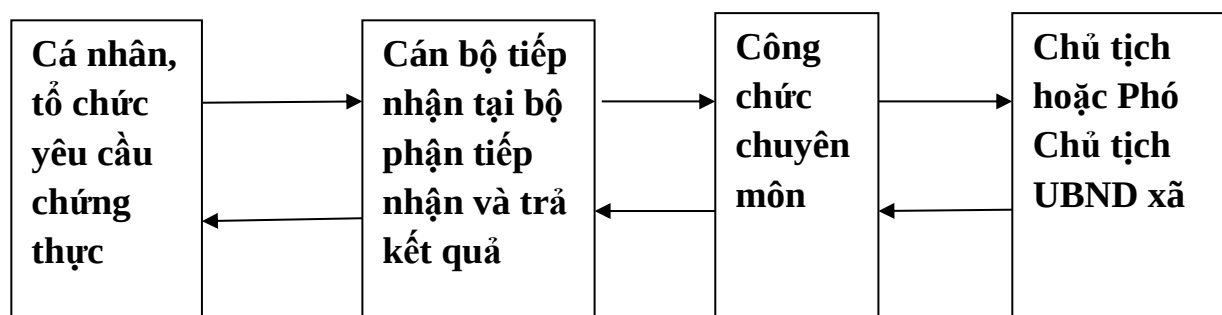
Bước 1, Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ: Công chức phụ trách tiếp nhận yêu cầu chứng thực của công dân kiểm tra hồ sơ đối chiếu với quy định về chủng loại, tính pháp lý của hồ sơ, giấy tờ, vào sổ và ghi chép tiếp nhận và hẹn trả kết quả với công dân.

Bước 2, Chuyển hồ sơ: Công chức phụ trách tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho công chức Tư pháp thực hiện chứng thực.

Bước 3, Trình duyệt: Công chức Tư pháp trình Chủ tịch/ Phó Chủ tịch xã phụ trách duyệt, ký và đóng dấu.

Bước 4, Trả hồ sơ: Công chức Tư pháp chuyển hồ sơ đã chứng thực cho công chức phụ trách bộ phận một cửa tiến hành vào sổ, thu phí, lệ phí và trả kết quả cho công dân.

Quy trình giải quyết chứng thực theo cơ chế một cửa được mô hình hóa qua sơ đồ sau:



1.2.4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng thực của Ủy ban nhân dân dân xã

Có thể thấy, UBND xã là cấp gần dân nhất, là cánh tay nối dài của chính quyền trung ương. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước được thực hiện như thế nào trong đời sống phụ thuộc rất nhiều vào chính quyền cấp cơ sở. Cấp cơ sở là nơi thể hiện rõ nhất, sinh động nhất tình hình thực hiện pháp luật của cán bộ công chức cũng như của người dân. Do đó, trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng thực của UBND xã cũng rất quan trọng.

Để đảm bảo hoạt động quản lý của Nhà nước về chứng thực. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng thực của UBND xã thực hiện theo nhiệm vụ quyền hạn sau đây:

- Tổ chức thực hiện tốt các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND xã gồm: Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch; Chứng

thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở; Chứng thực di chúc; Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản; Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, là nhà ở theo quy định của Luật nhà ở [18, Điều 5].

- Bố trí đầy đủ cán bộ có trình độ để giúp việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã trong công tác chứng thực, đảm bảo thường xuyên có người trực nhận, giải quyết kịp thời và đúng quy định các yêu cầu chứng thực cho công dân.

- Đảm bảo các phương tiện vật chất cần thiết cho việc thực hiện chứng thực;

- Tuyên truyền, phổ biến vận động nhân dân chấp hành quy định của pháp luật về chứng thực. Thông qua các hội nghị triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực; thông qua lồng ghép tuyên truyền vào các hội nghị, các buổi nói chuyện mang tính chuyên đề, các hội nghị của các tổ chức đảng, đoàn thể chính trị, chính trị xã hội; qua hệ thống loa truyền thanh xã để toàn thể cán bộ và nhân dân được biết và cùng thực hiện tạo sự phối hợp đồng bộ, thống nhất trong hoạt động chứng thực.

- Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.

- Lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ 6 tháng và hàng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

1.3.Vai trò của chứng thực của Ủy ban nhân xã

1.3.1.Bảo đảm cho cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền được pháp luật quy định

Hiến pháp của tất cả các quốc gia, trong đó có Hiến pháp của Việt Nam cũng đều ghi nhận những quyền cơ bản đó của con người, đó là: quyền có nơi ở hợp pháp; quyền tự do đi lại và cư trú; quyền tham gia quản lý nhà nước; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp; quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; quyền làm việc; quyền kết hôn, ly hôn; quyền học tập, quyền được nghiên cứu khoa học... Tuy nhiên, để thực hiện được những quyền này, con người cần thực hiện các thủ tục nhất định. Pháp luật chứng thực chính là phương tiện để con người thực hiện các quyền này hoặc tạo ra phương tiện để con người thực hiện các thủ tục này. Chứng thực của UBND xã bảo đảm cho cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền được pháp luật quy định, thể hiện:

- Chứng thực của UBND xã cung cấp dịch vụ trực tiếp để các chủ thể thực hiện quyền được pháp luật quy định qua việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, người thực hiện chứng thực đã khiến cho hợp đồng, giao dịch đó trở nên có hiệu lực pháp luật được pháp luật thừa nhận. Vì vậy, sau khi hợp đồng, giao dịch được chứng thực hợp lệ, các chủ thể phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình phát sinh từ hợp đồng, giao dịch đó.

- Hoạt động chứng thực của UBND xã cung cấp dịch vụ gián tiếp để các chủ thể thực hiện quyền của mình: đó là các hoạt động chứng thực bản sao, chữ ký, chứng thực hợp đồng/giấy ủy quyền... Thông qua kết quả của hoạt

động chứng thực là bản sao có chứng thực, văn bản có chữ ký được chứng thực hoặc hợp đồng ủy quyền, giấy ủy quyền... các chủ thể có thể tiếp tục tiến hành thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo để thực hiện quyền của mình như: xin học, xin việc, chuyển giao quyền sở hữu tài sản...

Chứng thực của UBND xã đã đảm bảo được quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức trong các quan hệ, giao dịch; đảm bảo được sự công bằng trật tự trong xã hội.

1.3.2. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

Văn bản được chứng thực có giá trị pháp lý, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại... bởi khi cá nhân, tổ chức xuất trình văn bản chứng thực thì các cá nhân, tổ chức khác không có quyền được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc phủ nhận tính xác thực của văn bản: Bản sao được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định tại Nghị định này có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Chữ ký được chứng thực theo quy định tại Nghị định này có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản; Hợp đồng, giao dịch được chứng thực theo quy định của Nghị định này có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch [18, Điều 3]. Đây cũng chính là tiền đề cho sự phát triển các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại... Đồng thời, khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia các giao dịch, hợp đồng, các thủ tục hành chính

theo đúng quy định của pháp luật qua đó thúc đẩy nền kinh tế - xã hội của địa phương cũng như của đất nước phát triển, tăng cường hội nhập quốc tế.

1.3.3. Góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ

Theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì Bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đổi chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản. Hợp đồng, giao dịch được chứng thực có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Như vậy, xét về mục đích chung, thì thông qua hoạt động chứng thực, Nhà nước cung cấp dịch vụ công nhằm đảm bảo an toàn pháp lý cho hợp đồng, giao dịch, tạo lập giá trị pháp lý cho các giấy tờ, văn bản được chứng thực phục vụ nhu cầu sử dụng, tạo sự tin tưởng vững chắc cho các tổ chức, cá nhân khi sử dụng và thực hiện thủ tục hành chính nói chung. Qua đó, giúp cho người thực hiện giao dịch của mình được thuận lợi hơn. Thực tế cũng cho thấy, việc sử dụng bản sao có chứng thực một cách hợp lý đã góp phần giảm chi phí đi lại, giảm rủi ro thất lạc bản chính giấy tờ, văn bản của người dân, giảm những thủ tục có liên quan đến các loại giấy tờ cần thiết.

Có thể nói, hoạt động chứng thực nói chung, chứng thực của UBND xã nói riêng không chỉ mang tính chất dịch vụ công, phục vụ lợi ích thiết thực của nhân dân, mà còn góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, hiện đại.

1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực của UBND xã

Hoạt động chứng thực được thực hiện bởi các chủ thể khác nhau theo các nhu cầu, trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố đề từ nhiều hướng khác nhau với những mức độ khác nhau. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực ở Ủy ban nhân dân xã rất đa dạng, có thể nhìn nhận chúng dưới góc độ tác động bên trong và tác động bên ngoài như sau:

- Các yếu tố bên trong:

+ Trình độ văn hóa, trình độ pháp luật của chủ thể:

Đây là yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả thực hiện pháp luật về chứng thực. Trình độ dân trí cao là điều kiện đầu tiên, cơ bản để người dân dễ dàng hiểu biết pháp luật, nhận thức đúng pháp luật và dẫn đến việc thực hiện pháp luật tốt và ngược lại. Yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến chủ thể là những cá nhân, tổ chức yêu cầu chứng thực mà còn ảnh hưởng đến những chủ thể là những người thực hiện chứng thực. Bởi những người thực hiện chứng thực có trình độ văn hóa, trình độ pháp luật cao không chỉ nhận thức đúng đường lối, chính sách của pháp luật mà còn có khả năng giải quyết công việc nhanh chóng, đúng quy định của pháp luật.

+ Yếu tố tâm lý

Trong điều kiện xã hội hiện nay, nhất là ở nông thôn, truyền thống coi trọng tình nghĩa, quan hệ họ hàng, làng xóm của người Việt Nam là một nét đẹp, giá trị đời sống tinh thần của người dân. Đây là nhân tố tích cực thúc đẩy các chủ thể thực hiện chứng thực tích cực hơn, nhiệt tình hơn vì họ không muốn mang tiếng xấu với người thân, làng xóm. Tuy nhiên, cũng từ tâm lý trọng tình nghĩa này tác động đến người thực hiện chứng thực có trường hợp

nề nang, tùy tiện thực hiện chứng thực mà không đảm bảo trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật.

- Các yếu tố bên ngoài:

+ Sự phát triển của kinh tế xã hội

Cùng với sự phát triển của xã hội nhu cầu chứng thực của các cá nhân, tổ chức là nhu cầu tất yếu của cuộc sống, xuất phát từ nhu cầu giao dịch của công dân, tổ chức và nhu cầu quản lý của chính nhà nước. Nhu cầu này càng ngày càng tăng do sự mở rộng và phát triển của quan hệ pháp luật khiến cho lưu lượng yêu cầu chứng thực gia tăng về số lượng và sự phức tạp của việc chứng thực. Điều này ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình thực hiện pháp luật về chứng thực và sự phát triển khoa học pháp lý điều chỉnh quan hệ pháp luật chứng thực.

+ Hệ thống pháp luật

Bản thân pháp luật sinh ra là để điều chỉnh các quan hệ xã hội, là cơ sở để các chủ thể thực hiện pháp luật. Sự thống nhất, toàn diện, đồng bộ, phù hợp của các văn bản pháp luật, các đạo luật là vô cùng quan trọng, đảm bảo cho hiệu quả của việc thực hiện pháp luật. Người dân thực hiện pháp luật tốt hơn với một hệ thống pháp luật toàn diện, đồng bộ, phù hợp. Hoạt động chứng thực sẽ được thực hiện tốt, có hiệu quả nếu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội, đồng bộ và thống nhất. Ngược lại, văn bản pháp luật chứng thực ban hành không phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội, không đồng bộ, thống nhất phải sửa đổi, bổ sung, thậm chí phải thay thế bằng văn bản khác không những ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện mà còn gây thiệt hại cho công dân, đất nước.

+ Yếu tố chính trị

Yếu tố chính trị có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật chứng thực, đặc biệt là các cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật chứng thực. Một đất nước có môi trường chính trị ổn định là điều kiện thuận lợi đối với hoạt động thực hiện pháp luật nói chung và hoạt động chứng thực nói riêng, bởi nó củng cố niềm tin của người dân, để họ tin vào chính sách pháp luật của Nhà nước, tin vào Đảng và chính quyền và ngược lại.

Ngoài ra, mức độ dân chủ của xã hội cũng ảnh hưởng quan trọng đến việc thực hiện pháp luật chứng thực. Trong điều kiện xã hội có nền dân chủ rộng rãi, các tầng lớp trong xã hội có thể thẳng thắn, công khai bày tỏ ý kiến, quan điểm, nguyện vọng của mình đối với quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia quan hệ pháp luật chứng thực. Ngược lại, trong điều kiện xã hội thiếu dân chủ, thông tin nghèo nàn, bầu không khí chính trị ngột ngạt, gò bó thì công dân không dám bày tỏ những suy nghĩ thật của mình, không giám đòi hỏi công lý vì tâm lý lo lắng, e ngại.

+ Các cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và các cơ quan hữu quan

Các cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực có trách nhiệm trong tổ chức, thực hiện chứng thực một cách khoa học có sự phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn... để xử lý công việc nhanh chóng, đúng pháp luật. Sự thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ và thiếu sự phối hợp với nhau ở các cơ quan liên quan đến hoạt động chứng thực sẽ dẫn đến sự chông chéo trong cách giải quyết và sự đùn đẩy lẫn nhau.

Kết luận chương 1

Với nội dung Những vấn đề lý luận về chứng thực của UBND xã, chương 1 của luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận về chứng thực đã đưa ra được khái niệm chứng thực; đưa ra được khái niệm, đặc điểm chứng thực

của UBND xã; thẩm quyền, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện chứng thực, Trình tự, thủ tục thực hiện chứng thực Ủy ban nhân dân xã, trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã; chỉ ra được vai trò của chứng thực của UBND xã và những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực của UBND xã.

Chứng thực của UBND cấp xã hiện nay được điều chỉnh bởi Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã thể hiện rõ sự phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền cấp xã trong việc thực hiện chứng thực, góp phần phục vụ tốt hơn cho người dân, góp phần thực hiện công cuộc cải cách hành chính nhà nước ta hiện nay, nhằm hướng tới xây dựng nền hành chính phục vụ và hiện đại.

Chương 2

THỰC TRẠNG CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TỪ THỰC TIỄN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Khái quát chung về huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Mỹ Đức là một huyện nằm phía cực nam của thủ đô Hà Nội. Trước năm 2008 là một huyện của tỉnh Hà Tây cũ. Cách trung tâm Hà Nội 52 km theo đường QL21B.

Huyện Mỹ Đức nằm phía tây nam Hà Nội, phía đông giáp huyện Ứng Hòa, ranh giới là con sông Đáy, phía bắc giáp huyện Chương Mỹ, phía tây giáp các huyện của tỉnh Hòa Bình: Lương Sơn (ở phía tây Bắc), Kim Bôi (ở phía chính Tây), Lạc Thủy (ở phía tây nam), phía đông nam giáp huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam. Là vùng huyện bán sơn địa, nằm ở phía nam của đồng bằng Bắc Bộ, phía nam là vùng núi đá vôi hang động, có vẻ đẹp nổi tiếng, là khu thắng cảnh chùa Hương. Ở rìa phía đông có sông Đáy chảy theo hướng từ Bắc xuống Nam sang tỉnh Hà Nam.

Diện tích tự nhiên của huyện Mỹ Đức là 226,913 km², dân số là 192.524 người (theo số liệu thống kê năm 2016).

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Mỹ Đức là một huyện nông nghiệp, nhờ có thiên nhiên ưu đãi về đất đai khí hậu...huyện có khả năng phát triển một nền nông nghiệp toàn diện. Ngoài nông nghiệp thì huyện cũng đang phát triển nhiều ngành nghề thủ công khác như dệt may ở xã Phùng Xá, trồng dâu nuôi tằm ở xã Phù Lưu Tế, nghề trẻ tằm hương ở xã Hợp Thanh...đặc biệt là trú trọng phát triển du lịch khu vực

Chùa Hương, khu vực Hồ Quan Sơn, khu vực sinh thái Tuy Lai và các khu vực khác trên địa bàn huyện.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng bộ và nhân dân huyện Mỹ Đức không ngừng phấn đấu vươn lên, tranh thủ điều kiện và thời cơ, phát huy nguồn lực, động viên mọi tầng lớp nhân dân hăng hái lao động, sản xuất kinh doanh giành nhiều thành tựu to lớn; kinh tế tiếp tục phát triển, an ninh quốc phòng được giữ vững, bộ mặt nông thôn được đổi mới, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, lòng tin đối với Đảng và nhà nước được củng cố tăng cường. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo chuyển biến toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, đảm bảo tăng trưởng kinh tế, kết hợp quản lý xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, an ninh- quốc phòng.

2.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động chứng thực của UBND xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức hiện nay

Qua khái quát trên về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Mỹ Đức, có thể rút ra một số nhóm yếu tố ảnh hưởng tới công tác chứng thực của UBND xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức như sau:

Một là, về chính quyền huyện Mỹ Đức:

- Thuận lợi: Sau khi địa giới hành chính huyện Mỹ Đức (trước là thuộc tỉnh Hà Tây cũ) được sáp nhập vào thành phố Hà Nội tháng 8 năm 2008, tiến trình cải cách hành chính được đẩy mạnh. Công tác quản lý nhà nước về chứng thực cũng được quan tâm sát sao cùng với các lĩnh vực khác.

- Khó khăn: Do là một huyện ngoại thành của Thủ đô Hà Nội nên sự đầu tư của thành phố cho công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có lĩnh vực tư pháp còn hạn chế. Không gian văn phòng, trang thiết bị phục vụ cho

chứng thực ở nhiều xã còn bị thiếu và xuống cấp. Trình độ quản lý, năng lực thực hiện chứng thực, ý thức pháp luật của cán bộ, công chức chứng thực còn yếu kém. Những thói quen, tàn dư của nền hành chính truyền thống có ảnh hưởng không nhỏ tới sự đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước tại đây.

Hai là, Về chủ thể yêu cầu chứng thực

Do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với quá trình đô thị hóa đã tác động làm cho trình độ dân trí và ý thức pháp luật của người dân được nâng cao. Điều này tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước trên địa bàn huyện nói chung và công tác chứng thực nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội thì dân số tăng cùng với nhu cầu tham gia vào các giao dịch ngày càng nhiều, kéo theo nhu cầu chứng thực cũng tăng lên để phục vụ cho các quan hệ pháp luật về dân sự, kinh tế, lao động....

Đây là những yếu tố không chỉ ảnh hưởng tới hoạt động chứng thực của UBND xã mà còn ảnh hưởng tới hoạt động quản lý nhà nước của huyện Mỹ Đức nói chung. Việc nhìn nhận và đánh giá đúng vị trí, vai trò của những yếu tố này có vai trò dự báo để chính quyền và ngành tư pháp huyện đưa ra những giải pháp phù hợp.

2.2.Thực trạng pháp luật về chứng thực của Ủy ban nhân dân xã

Pháp luật về chứng thực của UBND xã được điều chỉnh bởi Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Nghị định này quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch; giá trị pháp lý của bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính, chữ ký được chứng thực và hợp đồng, giao dịch được

chứng thực; quản lý nhà nước về chứng thực. Theo đó, “Cấp bản sao từ sổ gốc” là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc. “Chứng thực bản sao từ bản chính” là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính. “Chứng thực chữ ký” là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực. “Chứng thực hợp đồng, giao dịch” là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch [18, Điều 1,2].

Thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực của UBND xã:

- a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;
- b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch;
- c) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;
- b) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai;
- đ) Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở;
- e) Chứng thực di chúc;
- g) Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản;
- h) Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là tài sản quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản này.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã [18, Điều 5, Khoản 2].

2.2.1. Những ưu điểm

- Đã quy định rõ ràng thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực

Người yêu cầu chứng thực có quyền yêu cầu chứng thực tại bất kỳ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào thuận tiện nhất [18, Điều 8, Khoản 1].

+ Thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính

Theo quy định của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP và Nghị định số 04/2012/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký thì UBND cấp xã chỉ có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt [14, Điều 5, Khoản 2]. Trong khi đó, các khái niệm về “giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt”, “giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài”, “giấy tờ, văn bản song ngữ” cũng chưa được quy định rõ ràng, từ đó gây khó khăn cho cơ quan thực hiện chứng thực, chính vì vậy trong một số trường hợp, yêu cầu chứng thực của người dân đã bị từ chối giải quyết.

Do đó, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã phân định thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính căn cứ vào cơ quan cấp giấy tờ, văn bản. Theo đó, thẩm quyền chứng thực của các cơ quan như Phòng tư pháp, UBND cấp xã, cơ quan đại diện, công chứng viên đã được quy định cụ thể tại Điều 5 của Nghị định này. Cụ thể, đối với UBND cấp xã chỉ thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận [18, Điều 5, Khoản 2, điểm a].

+ Thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản

Theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP thì chứng thực chữ ký trên giấy tờ, văn bản tiếng nước ngoài phải được thực hiện chứng thực ở Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã không có thẩm quyền chứng thực này. Quy định này, đôi khi gây ra sự lúng túng cho người dân và tổ chức khi phân định thẩm quyền. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã quy định Phòng Tư pháp và UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực như nhau, không phân biệt ngôn ngữ của giấy tờ văn bản [18, Điều 5, khoản 1 điểm c, khoản 2 điểm b]

+ Thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch

Theo quy định của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP thì UBND cấp huyện có thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, việc định giá tài sản là rất khó khăn, hầu hết phụ thuộc vào việc khai nhận của người mua, bán tài sản. Bên cạnh đó, có rất nhiều các giao dịch liên quan đến động sản có giá trị thấp, giao dịch không phức tạp, thân nhân người tham gia giao dịch rõ ràng, tần suất thực hiện giao dịch cao (ti vi, điện thoại đắt tiền ...) là đối tượng giao dịch thường xuyên thì người dân vẫn phải đến tổ chức hành nghề công chứng hoặc UBND cấp huyện thực hiện, điều này vừa gây phiền hà, tốn kém (tăng chi phí, thời gian đi lại), vừa không phù hợp tính chất của giao dịch.

Khắc phục tình trạng này, Nghị định 23/NĐ-CP quy định Phòng Tư pháp và UBND cấp xã có thẩm quyền như nhau trong việc chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản, không phụ thuộc vào giá trị của tài sản. Ngoài ra, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP còn quy định UBND xã có thẩm quyền :

- Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;
- Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai;

- Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở;
- Chứng thực di chúc;
- Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản;
- Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là tài sản quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản này [18, Điều 5, Khoản2, điểm c,d,đ,e,g,h].

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao

Nhằm quán triệt tinh thần cải cách thủ tục hành chính trong giao dịch hành chính giữa cá nhân, tổ chức với các cơ quan, các tổ chức Nghị định số 23/NĐ-CP đã quy định về trách nhiệm của cơ quan tổ chức tiếp nhận bản sao như sau: Trường hợp pháp luật quy định nộp bản sao thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận bản sao, không được yêu cầu nộp bản sao có chứng thực, nhưng có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu; người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính, trừ trường hợp có căn cứ về việc bản sao giả mạo, bất hợp pháp thì yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc tiến hành xác minh, nếu thấy cần thiết [18, Điều 6]. Quy định này đã hạn chế được hiện tượng “lạm dụng” bản sao có chứng thực và giảm thiểu được tình trạng quá tải đối với UBND cấp xã, cấp huyện trong công tác chứng thực. Đồng thời, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện giao dịch, công việc của mình, không gây phiền hà, tốn kém, lãng phí thời gian, tiền bạc cho cá nhân, tổ chức.

- Quy định cụ thể về thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực

Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ [18, Điều 7]. Đối với các trường hợp quy định cụ thể sau thì được kéo dài thời hạn:

+ Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định tại Điều 7 của Nghị định này thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực [18, Điều 21].

+ Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực [18, Điều 37].

Việc quy định cụ thể về thời gian giải quyết cũng là quy định trách nhiệm của chủ thể thực hiện chứng thực, giảm bớt được phiền hà cho cá nhân, tổ chức yêu cầu chứng thực. Đồng thời, đây còn là một bước tiến trong cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực góp phần không nhỏ vào công cuộc cải cách nền hành chính trong sạch, hiện đại.

- Quy định chế độ và thời hạn lưu trữ đối với từng loại văn bản, giấy tờ được chứng thực

Thời hạn lưu trữ giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký, chứng thực chữ ký người dịch là 02 năm; thời hạn lưu trữ bản chính hợp đồng, giao dịch kèm theo hồ sơ là 20 năm.

Đối với trường hợp chứng thực chữ ký của người tiến hành giám định trong văn bản kết luận giám định tư pháp, chứng thực bản sao từ bản chính thì không lưu trữ [18, Điều 14].

- Quy định cụ thể các loại phí, lệ phí phải nộp theo quy định và các loại chi phí khác phải nộp

Ngoài việc nộp phí, lệ phí chứng thực theo quy định trong trường hợp người yêu cầu chứng thực đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản thì phải nộp chi phí để thực hiện việc đó.

- Quy định thủ tục chứng thực đối với từng loại việc cụ thể

+ Việc chứng thực bản sao từ bản chính:

Nghị định đã tạo điều kiện cũng như tăng trách nhiệm của cá nhân tổ chức khi yêu cầu chứng thực: Người yêu cầu chứng thực bản sao phải chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp lệ, hợp pháp của bản chính giấy tờ, văn bản dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao; không được yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản thuộc các trường hợp quy định tại Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao đúng với bản chính [18, Điều 19].

Đồng thời, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP cũng quy định từng trường hợp chứng thực sao y bản chính tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức thực hiện chứng thực và công dân khi có yêu cầu. Theo đó, Trong trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trước khi yêu cầu chứng thực bản sao; trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại [18, Điều 14, khoản 1]. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ

bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp [18, Điều 20, khoản 2].

+ Việc chứng thực chữ ký

Nghị định số 23/2015 quy định rõ trách nhiệm của người yêu cầu chứng thực chữ ký, trách nhiệm của người thực hiện chứng thực và danh mục những giấy tờ, văn bản không được yêu cầu chứng thực chữ ký. Theo đó, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản mà mình ký để yêu cầu chứng thực chữ ký. Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về tính xác thực về chữ ký của người yêu cầu chứng thực trong giấy tờ, văn bản [18, Điều 23].

Đối với trường hợp chứng thực chữ ký tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ, nếu nhận thấy người yêu cầu chứng thực có đủ điều kiện thì đề nghị người đó ký vào giấy tờ cần chứng thực và chuyển cho người có thẩm quyền ký chứng thực [18, Điều 24, khoản 3].

Thủ tục chứng thực chữ ký quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 24 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP cũng được áp dụng đối với các trường hợp: chứng thực chữ ký của nhiều người trong cùng một giấy tờ, văn bản; chứng thực chữ ký của người khai lý lịch cá nhân; chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập theo quy định của pháp luật; chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản [18, Điều 24, khoản 4].

+ Việc chứng thực hợp đồng, giao dịch

Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định Phòng Tư pháp và UBND cấp xã cùng có thẩm quyền chứng thực: hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản

là động sản, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản [18, khoản 1, khoản 2 Điều 5].

Bên cạnh đó, căn cứ vào Bộ Luật dân sự, Luật đất đai, Luật nhà ở thì UBND cấp xã còn có thẩm quyền sau: Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, chứng thực di chúc, chứng thực văn bản từ chối nhận di sản theo quy định của Bộ luật dân sự, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là bất động sản và chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật nhà ở.

Quy định trên một mặt bảo đảm thuận lợi cho người dân khi có yêu cầu chứng thực, mặt khác phân định rõ thẩm quyền chứng thực giữa Phòng Tư pháp, UBND cấp xã trong thực hiện chứng thực để tránh ùn tắc hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan thực hiện chứng thực.

Trên đây là một số ưu điểm của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, với những quy định rõ ràng, cụ thể và đơn giản sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức khi có yêu cầu chứng thực cũng như người thực hiện chứng thực, qua đó thúc đẩy sự phát triển các giao dịch dân sự.

2.2.2. Những hạn chế

- Về thẩm quyền chứng thực

Việc thay tiêu chí phân định thẩm quyền giữa các cơ quan có thẩm quyền chứng thực từ “ ngôn ngữ thể hiện trên giấy tờ, văn bản” chứng thực như văn bản bằng tiếng việt, văn bản song ngữ, văn bản tiếng nước ngoài bằng tiêu chí “cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản” đó là “cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài”. Đây là một yếu tố gây khó khăn trong

việc xác định tính chất của tổ chức ban hành giấy tờ, văn bản là của Việt Nam, nước ngoài hay liên kết giữa Việt Nam và nước ngoài. Do đó, để thực sự tạo thuận lợi cho người dân, cần nghiên cứu xóa bỏ hoàn toàn sự phân định thẩm quyền chứng thực bản sao giữa UBND cấp huyện và UBND cấp xã, tức là người dân có thể yêu cầu chứng thực bản sao tại bất kỳ UBND cấp huyện, UBND cấp xã nào cũng đều được giải quyết, không phân biệt dựa vào tính chất của bản sao đó.

- Về thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực

Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; trừ trường hợp được gia hạn chứng thực [18, Điều 7]. Trong khi đó Thông tư số 01/2009/TTLT-TP-NV của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ có quy định công chức tư pháp phải tham mưu, thực hiện nhiều nhiệm vụ khác. Trong những nhiệm vụ này có nhiều việc công chức Tư pháp phải trực tiếp xuống cơ sở để giải quyết như phối hợp trong thi hành án dân sự, tuyên truyền pháp luật, hòa giải, xác minh một số việc về hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch. Ngoài ra, cán bộ Tư pháp còn phải thực hiện những công việc khác của UBND xã giao; Trưởng phòng Tư pháp chỉ đạo tham mưu, phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo, tham gia giải phóng mặt bằng... Như vậy, với lượng công việc nhiều như vậy cán bộ Tư pháp khó có thể đáp ứng được yêu cầu giải quyết hồ sơ chứng thực theo đúng quy định trên được.

- Về thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch

Mục tiêu hướng tới của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP là đưa hoạt động chứng thực hợp đồng, giao dịch về đúng với bản chất của hoạt động chứng thực (mang tính hình thức). Do đó, tại Điều 36 Nghị định chỉ quy định chung

một trình tự, thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch khá đơn giản, người thực hiện chứng thực tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu hồ sơ có đủ các giấy tờ theo quy định, người yêu cầu chứng thực có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng thì thực hiện chứng thực.

Việc quy định quá đơn giản các thủ tục giấy tờ của Nghị định này đã đồng nhất các thủ tục như nhau, không quy định cụ thể từng loại giao dịch và giấy tờ phải xuất trình đối với các giao dịch đó. Chẳng hạn, đối với chứng thực chữ ký, phân chia di sản thừa kế không quy định cụ thể các loại giấy tờ phải xuất trình để chứng minh quan hệ nhân thân (ví dụ: giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn...). Quy định này không những gây khó khăn cho người thực hiện chứng thực mà còn dẫn tới sự không đồng nhất tại mỗi xã, phường, thị trấn.

Ngoài ra, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP cũng chưa có quy định cụ thể về hình thức, nội dung, trình tự thủ tục tiến hành chứng thực hợp đồng, giao dịch mà chỉ quy định người yêu cầu chứng thực phải dự thảo hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực nhưng không phải chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp của nội dung hợp đồng [18, Điều 36]. Điều 38 Nghị định này cũng chưa quy định thành phần hồ sơ mà người yêu cầu chứng thực phải nộp, cũng như chưa có quy định về trình tự, thủ tục giải quyết chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực. Do đó, gây khó khăn cho người thực hiện chứng thực khi triển khai quy định này.

Các trường hợp chứng thực về văn bản khai nhận di sản thừa kế, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, Nghị định 23 không có quy định thời gian niêm yết, dẫn đến nhiều địa phương lúng túng. Trong khi đó, các văn bản

hướng dẫn công tác chứng thực trước đây như Nghị định 75/2000/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT- BTP-BTNMT lại quy định khá cụ thể về thủ tục; bên cạnh đó, Luật Công chứng năm 2014 cũng quy định đối với loại việc này phải có niêm yết trong thời gian 15 ngày...).

- Về thủ tục chứng thực chữ ký

Chưa có hướng dẫn về việc phối hợp giữa cán bộ tư pháp và cán bộ một cửa trong việc tiếp nhận hồ sơ chứng thực chữ ký, trình tự, thủ tục, trách nhiệm, kiểm soát việc yêu cầu người chứng thực chữ ký ký vào giấy tờ và lãnh đạo ký chứng thực: Đối với trường hợp chứng thực chữ ký tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ, nếu nhận thấy người yêu cầu chứng thực có đủ điều kiện quy định thì đề nghị người yêu cầu chứng thực ký vào giấy tờ cần chứng thực và chuyển cho người có thẩm quyền ký chứng thực [18, Điều 24, khoản 3]. Đồng thời, mẫu lời chứng ghi “...chứng thực ông/bà...là người đã ký...trước mặt tôi” là không đúng thực tế.

Mặt khác, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định trường hợp không được chứng thực là Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân [18, Điều 25, khoản 3]. Quy định này sẽ không phát sinh vướng mắc nếu giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực đã ký vào được lập bằng tiếng việt, tuy nhiên, nếu giấy tờ, văn bản này được lập bằng tiếng nước ngoài thì người thực hiện chứng thực khó có thể hiểu được nội dung của giấy tờ, văn bản đó để giải quyết hay từ chối chứng thực. Cần có hướng xử lý tốt vấn đề này thì người dân không phải tốn kém thêm về thời

gian và chi phí do phải tìm người dịch các văn bản này rồi mới mang đi chứng thực chữ ký và cơ quan thực hiện chứng thực khi có bản dịch thì mới dám tự tin để chứng thực chữ ký đối với các loại văn bản giấy tờ được lập bằng tiếng nước ngoài.

- Bất cập trong trường hợp bản chính có sự thay đổi so với bản sao có chứng thực mà công dân xuất trình

Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định cá nhân, tổ chức đã xuất trình bản sao có chứng thực thì cơ quan không được yêu cầu xuất trình bản chính. Quy định này một mặt tạo thuận lợi cho nhân dân khi thực hiện các giao dịch, mặt khác cũng gây khó khăn cho cơ quan tiếp nhận vì bản chính các giấy tờ quan thời gian cũng có biến động, chuyển dịch, thay đổi, cải chính. Thực tế có nhiều người dân xuất trình bản sao có chứng thực cũ trong khi bản chính đã có sự thay đổi.

- Về việc lưu trữ bản sao chứng thực

Nghị định 23 quy định: “*Chứng thực bản sao từ bản chính thì không lưu trữ*”. Quy định như vậy khiến các cơ quan có thẩm quyền chứng thực rất lúng túng, bởi nếu không lưu trữ bản sao được chứng thực từ bản chính khi phát hiện các sai sót đối với bản sao được chứng thực thì không có cơ sở để xác minh, đối chiếu và xác định trách nhiệm.

Ví dụ, khi chứng thực bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông từ bản chính, người yêu cầu chứng thực có hành vi gian dối, cố tình tẩy xóa, sửa chữa các thông tin trên bản sao đã chứng thực để nộp hồ sơ xét tuyển đại học; cơ quan tiếp nhận hồ sơ xét tuyển đại học nghi ngờ về nội dung bản sao được chứng thực nên liên hệ đến cơ quan đã thực hiện việc chứng thực để xác minh tính xác thực của bản sao.

Trong trường hợp này, cơ quan đã thực hiện chứng thực không có cơ sở để xác định bản sao được chứng thực do chính cơ quan mình chứng thực có đúng hay không, bởi vì không có bản sao chứng thực lưu trữ để đối chiếu, xác định có bị tẩy xóa hay sửa chữa nội dung hay không?

- Có sự mâu thuẫn giữa Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và một số văn bản hướng dẫn

Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (là văn bản quy phạm pháp luật) thì quy định UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trong khi đó văn bản số 227/BTP-BTTP ngày 29/6/2015 của Bộ Tư pháp và văn bản số 2354/UBND – NC ngày 10/4/2015 của UBND thành phố Hà Nội là các văn bản hướng dẫn thực hiện và có giá trị pháp lý thấp hơn Nghị định số 23/2015/NĐ-CP lại quy định: *Đối với các địa bàn đã thực hiện chuyển giao chứng thực hợp đồng, văn bản từ UBND cấp xã sang các tổ chức hành nghề công chứng...thì UBND cấp tỉnh... xem xét, quyết định giữ nguyên việc chuyển giao để tránh gây xáo trộn, khó khăn cho người dân.* Việc quy định như vậy đã gây khó khăn, lúng túng trong việc thực hiện.

- Chưa có quy định về việc chứng thực giấy tờ, văn bản giả

Hiện nay tình trạng sử dụng và lưu hành giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ giả đang xảy ra phổ biến, khi đối tượng sử dụng bằng giả đề nghị chứng thực bản sao từ bản chính thì cơ quan có thẩm quyền chứng thực tiếp nhận và thực hiện việc chứng thực nhưng không có khả năng nhận biết những giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ giả đề từ chối việc chứng thực. Bởi vì các loại giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ giả được làm rất tinh vi, bằng mắt thường không thể nhận biết, mà phải thông qua việc đối chiếu con dấu, xác nhận hồ sơ, học bạ tại nơi cấp giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ giả.

Để làm được điều này, chỉ có cơ quan công an mới có thể xác định đầy đủ, hợp pháp các loại giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ này có bị giả hay không? Cơ quan chứng thực không đủ điều kiện và khả năng để xác định giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ giả nên đã ký chứng thực bản sao từ bản chính bị giả mạo. Như vậy, cơ quan chứng thực đã vô tình hợp thức hóa các giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ giả thành các giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ thật để các đối tượng xấu lợi dụng nhằm qua mặt các cơ quan chức năng. Do vậy, cần phải có cơ chế hoặc một giải pháp thiết thực để ngăn ngừa vấn đề này.

Trên đây là một số khó khăn, bất cập của quy định pháp luật về chứng thực của UBND xã.

2.3. Thực trạng thực hiện chứng thực Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

2.3.1. Tổ chức bộ máy và bố trí nguồn nhân lực thực hiện chứng thực

Phòng Tư pháp huyện đã chủ động tham mưu cho UBND huyện kiện toàn và củng cố đội ngũ cán bộ Tư pháp – Hộ tịch của các xã, thị trấn có đủ tiêu chuẩn để thực hiện nhiệm vụ. Ngành tư pháp từ huyện đến cơ sở có 50 cán bộ, công chức; trong đó, có 34 công chức và 16 cán bộ hợp đồng công tác tư pháp - hộ tịch tại các xã, thị trấn, 8 công chức làm ở phòng tư pháp tại UBND huyện. Đội ngũ công chức Tư pháp – Hộ tịch của 22 xã, thị trấn có 42 đồng chí, có 28 đồng chí có bằng cử nhân luật, 14 đồng chí có bằng trung cấp luật, bằng đại học và bằng trung cấp khác. Đến nay, trên địa bàn huyện Mỹ Đức có 21 xã và 01 thị trấn đa số các xã đã bố trí đủ 02 công chức tư pháp – hộ tịch, có 7 xã bố trí 01 công chức tư pháp – hộ tịch [29]. Nhìn chung, đội ngũ công chức tư pháp – hộ tịch cơ bản ổn định được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, yêu nghề có tinh thần trách nhiệm trong công việc, luôn tu dưỡng,

rèn luyện, nhiều đồng chí đang học đại học tại chức luật, học văn bằng hai và cao học.

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp từ huyện đến cơ sở đã thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, tham mưu cho Đảng, chính quyền thực hiện tốt công tác quản lý về lĩnh vực tư pháp, nhất là công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực.

Việc bố trí, sắp xếp cán bộ tư pháp từ cấp huyện đến xã làm công tác chứng thực đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Hàng năm, số cán bộ, công chức làm công tác chứng thực từ huyện đến xã đều được bồi dưỡng nghiệp vụ về thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực. Ngay sau khi có nghị định 23/2015/NĐ-CP, 100% công chức phòng tư pháp và công chức tư pháp – hộ tịch các xã huyện Mỹ Đức đã tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ. Đồng thời, chỉ đạo tổ chức, tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức tư pháp được UBND huyện tiến hành hàng năm. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chứng thực hướng mạnh về cơ sở. Đến nay, trên địa bàn huyện 100% các xã có báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật.

2.3.2. Thực hiện chứng thực theo thẩm quyền pháp luật quy định

Thông qua việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực UBND các xã bằng quyền lực của mình tiến hành áp dụng các quy định pháp luật về chứng thực trong hoạt động chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của mình theo đúng trình tự, thủ tục về chứng thực mà pháp luật quy định. Niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã; trình tự thực hiện từng thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính của xã để cá nhân, tổ chức biết và phối hợp thực hiện. Việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về

chứng thực được thực hiện công khai, minh bạch sẽ là yếu tố quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động chứng thực. Công tác chứng thực đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu chứng thực của tổ chức và công dân trên địa bàn huyện. Kết quả cho thấy, việc tổ chức thực hiện chứng thực tại UBND xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức từ năm 2012 đến nay như sau:

*** Năm 2012,** Các xã tiếp nhận và chứng thực [24, tr6]:

- Chứng thực bản sao từ sổ gốc: 12.819 bản
- Chứng thực bản sao từ bản chính: 89.668 bản
- Chứng thực chữ ký: 1039 việc

*** Năm 2013,** Các xã tiếp nhận và chứng thực [25, tr6]:

- Chứng thực bản sao từ sổ gốc: 2734 bản
- Chứng thực bản sao từ bản chính: 139.214 bản
- Chứng thực chữ ký: 1075 việc

*** Năm 2014,** Các xã tiếp nhận và chứng thực [26, tr6]:

- Chứng thực bản sao từ sổ gốc: 15.678 bản
- Chứng thực bản sao từ bản chính: 101.278 bản
- Chứng thực chữ ký: 1242 việc

*** Năm 2015,** Các xã tiếp nhận và chứng thực [27, tr7]:

- Chứng thực bản sao từ sổ gốc: 33537 bản
- Chứng thực bản sao từ bản chính: 102.838 bản
- Chứng thực chữ ký, di chúc, hợp đồng, giao dịch: 1347 việc

*** Năm 2016,** Các xã tiếp nhận và chứng thực [28, tr7]:

- Chứng thực bản sao từ sổ gốc: 45231 bản

- Chứng thực bản sao từ bản chính: 128.228 bản
- Chứng thực chữ ký, di chúc, hợp đồng, giao dịch: 2939 việc

2.3.3. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chứng thực

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của thành phố Hà Nội hoạt động chứng thực trên địa bàn huyện Mỹ Đức đã thực sự đi vào nề nếp và đạt kết quả tốt. Để góp phần giảm thiểu rủi ro, sai sót, từng bước đưa hoạt động chứng thực đi vào ổn định và phát triển. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí kinh phí cho Phòng Tư pháp tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về lĩnh vực chứng thực cho đội ngũ cán bộ tư pháp – hộ tịch. Với chức năng là cơ quan tham mưu giúp UBND huyện thực hiện thống nhất công tác quản lý nhà nước về hoạt động chứng thực trên địa bàn huyện, Phòng tư pháp đã tích cực chủ động tham mưu thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật nên hoạt động chứng thực trên địa bàn huyện đã đạt nhiều kết quả tốt.

Công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ được Phòng Tư pháp triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục. Hàng năm, đã tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho.... Lướt cán bộ, công chức làm công tác chứng thực và các Chủ tịch, phó Chủ tịch, cán bộ tư pháp thực hiện chứng thực. Nội dung tập huấn là các quy định về công tác chứng thực và các lĩnh vực có liên quan như: Quy định của bộ Luật dân sự, Luật đất đai, Luật hộ tịch, Luật hôn nhân và gia đình...

Công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động chứng thực được xác định là nội dung quan trọng của công tác quản lý nhà nước về hoạt động chứng thực nên luôn được quan tâm, chú trọng. Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ động xây dựng Kế hoạch và kiểm tra định kỳ hoạt động chứng thực

trên địa bàn. Thông qua hoạt động thang tra, kiểm tra đã giúp cho các xã thực hiện đúng, nghiêm túc và đầy đủ các quy trình, thủ tục chứng thực; đồng thời thực hiện tốt các quy định về cải cách hành chính, niêm yết công khai thủ tục và mức thu lệ phí chứng thực, thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức khi có nhu cầu giao dịch chứng thực.

Việc chứng thực tại UBND 22 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mỹ Đức đều thực hiện tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ”; cán bộ tư pháp – hộ tịch tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận “một cửa” và tham mưu cho Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch ký chứng thực. Với mô hình quản lý và thực hiện công tác chứng thực, việc phân cấp thực hiện công tác chứng thực trên địa bàn huyện Mỹ Đức đã đi vào nề nếp, giải quyết tốt thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức khi có nhu cầu chứng thực.

2.4.Đánh giá chung

2.4.1.Những kết quả đạt được và nguyên nhân

Được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND thành phố, Sở Tư pháp thành phố Hà Nội và cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở, sự phối hợp hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể và sự cố gắng, nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức ngành Tư pháp huyện Mỹ Đức đã bám sát vào các chương trình, kế hoạch công tác tư pháp của từng năm. Do đó, công tác Tư pháp nói chung và công tác chứng thực nói riêng đã được tổ chức thực hiện đồng bộ từ huyện đến các xã, thị trấn trên địa bàn. Công tác chứng thực của các xã, thị trấn đã có nhiều chuyển biến tích cực, thực hiện tốt quy định của pháp luật chứng thực, hoàn thành nhiệm vụ được giao, cùng các cấp, các ngành góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Với chức năng, nhiệm vụ của mình, UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện cơ bản đã thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về

công tác Tư pháp nói chung và công tác chứng thực nói riêng; thực hiện đầy đủ kế hoạch hàng năm và từng giai đoạn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Nhiều năm liền công tác tư pháp của huyện Mỹ Đức đã nhận được Bằng khen, cờ đơn vị thi đua xuất sắc của Thủ Tướng Chính Phủ và UBND thành phố Hà Nội, cụ thể:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2012	Bằng khen	Quyết định số:1421/QĐ-TTg ngày 28/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ
2012	Bằng khen	Quyết định số:1575/QĐ-UBND ngày 17/4/2012 của UBND thành phố Hà Nội
2013	Cờ đơn vị thi đua xuất sắc	Quyết định số: 39/QĐ- UBND ngày 02/01/2014 của UBND thành phố Hà Nội
2014	Cờ đơn vị thi đua xuất sắc	Quyết định số: 7230/QĐ- UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội
2015	Bằng khen	Quyết định số:3143/QĐ-UBND ngày 08/7/2015 của UBND thành phố Hà Nội
2015	Bằng khen	Quyết định số: 201/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội
2016	Bằng khen	Quyết định số: 3143/QĐ-UBND ngày 8/7/2016 của UBND thành phố Hà Nội về điển hình tiên tiến của TP
2016	Bằng khen	Quyết định số: 6017/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội

Thành tích trên đã khẳng định những cố gắng, nỗ lực của cán bộ, công chức ngành tư pháp huyện Mỹ Đức với tinh thần đoàn kết, thống nhất, sáng tạo, ý chí phấn đấu, trách nhiệm đã tạo nên chuyển biến tích cực, toàn diện và sâu sắc trên lĩnh vực tư pháp trên địa bàn huyện [24,25,26,27,28].

2.4.2.Những hạn chế và nguyên nhân

2.4.2.1. Những hạn chế

Một là, về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chứng thực

Trang thiết bị phục vụ cho công tác chứng thực còn hạn chế, thiếu thốn. Mặc dù, các xã đều có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (dù chưa có đồng bộ và đạt tiêu chuẩn theo quy định) nhưng bố trí chưa phù hợp. Hầu hết các phòng này đều nhỏ, chật hẹp khi có công dân đến thì không có đủ chỗ hoặc dẫn đến quá tải của phòng là không tránh khỏi.

Về trang thiết bị, qua việc khảo sát về việc sử dụng máy photo cho công tác chứng thực nhìn chung các xã đều chưa được trang bị máy photo riêng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trong đó có bộ phận Tư pháp – chứng thực. Một số xã cho sử dụng máy photo của UBND cho việc thực hiện chứng thực, ngoài ra người dân phải tự photo bên ngoài. Ở nhiều xã, việc photo bên ngoài không thuận tiện vì quá xa, người dân đi photo rồi quay lại UBND để thực hiện chứng thực. Việc thiếu máy photo phục vụ cho công tác chứng thực tại UBND không chỉ mất thời gian photo cho người dân mà còn đem lại những khó khăn cho cán bộ chứng thực trong quá trình thẩm định hồ sơ chứng thực để trình ký. Nếu được trang bị máy photo, công chức chứng thực sẽ kiểm soát tốt hơn tính chính xác của các nội dung yêu cầu chứng thực, giúp giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả, giảm chi phí đi lại cho người dân.

Hai là, về trình tự thủ tục chứng thực

Vẫn còn hiện tượng công dân gặp trực tiếp lãnh đạo ký chứng thực rồi qua văn phòng UBND xã đóng dấu ủy ban sau đó mới quay ra bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để đóng dấu chứng thực và lấy sổ chứng thực. Tình trạng này xảy ra không nhiều, tuy nhiên cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm, bởi khi lãnh đạo đã ký và đóng dấu quốc huy mà công chức tư pháp lại yêu cầu

xuất trình bản chính để đối chiếu và từ chối không đóng dấu chứng thực do bản chính giấy tờ, văn bản không đủ điều kiện để chứng thực theo quy định thì sẽ gặp phải sự phản kháng quyết liệt của công dân có yêu cầu.

Đặc biệt là khi hồ sơ của công dân có vấn đề, không đủ điều kiện để chứng thực, bị từ chối tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính nhưng khi gặp Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch thì các đồng chí lãnh đạo lại ký, điều đó dẫn đến hiểu nhầm giữa công dân với cán bộ chuyên môn, gây áp lực cho cán bộ chuyên môn khi thực thi nhiệm vụ.

Ngoài ra, sự bất cập về trình tự chứng thực còn phát sinh khi người ký chứng thực (Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch) đi vắng (vì bất kỳ một lý do nào đó) thì sẽ không có ai ký chứng thực. Dù công chức chuyên môn có tiếp nhận hồ sơ hay không tiếp nhận hồ sơ thì hoạt động chứng thực cũng bị gián đoạn. Như vậy, sự liên tục của công tác chứng thực không còn, điều này không phù hợp với thời gian thực hiện yêu cầu chứng thực phải được đảm bảo trong ngày. Đây là vấn đề về gây bức xúc cho công dân có yêu cầu đặc biệt là những công dân cần hồ sơ gấp.

Ba là, chất lượng nhân sự thực hiện chứng thực còn thấp

Hiện nay, đội ngũ công chức Tư pháp – Hộ tịch của 22 xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức có 42 đồng chí, có 28 đồng chí có bằng cử nhân luật (bằng 66,67%), 14 đồng chí có bằng trung cấp luật, bằng đại học và bằng trung cấp khác (chiếm 33,33%). Như vậy, tỷ lệ công chức chưa được đào tạo cơ bản về luật vẫn còn cao. Trong khi đó, công việc chứng thực được chuyển về xã yêu cầu cao về độ tinh nhạy về kiến thức pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ và sự phức tạp của các giao dịch, hợp đồng. Dẫn đến tình trạng nhiều công chức vừa chứng thực “vừa run”, mất nhiều thời gian để đối chiếu các văn bản điều chỉnh... Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của hoạt động chứng thực.

Bốn là, công tác tuyên truyền về chứng thực tới cá nhân, tổ chức còn nhiều yếu kém

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về chứng thực còn tồn tại một số yếu kém. Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng nên vẫn còn tình trạng nhiều tổ chức và công dân chưa phân biệt được hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực.

Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về chứng thực tại nhiều nơi vẫn mang tính hình thức, phong trào, chưa tuyên truyền theo chiều sâu, chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa chính quyền và các đoàn thể nhân dân dẫn tới chất lượng tuyên truyền còn thấp. Hệ thống loa truyền thanh ở một số nơi cũ hỏng, xuống cấp lên đã ảnh hưởng không nhỏ tới công tác tuyên truyền nói chung và tuyên truyền về pháp luật chứng thực nói riêng.

Năm là, về việc thu phí còn nhiều bất hợp lý, tiềm ẩn nguy cơ thất thoát

Theo nguyên tắc của cơ chế một cửa, khi chứng thực được thực hiện theo cơ chế một cửa, thủ quỹ UBND đồng thời là người thu phí của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ và người này làm việc tại bộ phận này. Mặt khác, theo nguyên tắc quản lý tài chính và quy chế hoạt động của UBND, người thu phí của UBND phải là thủ quỹ của UBND. Nhưng trên thực tế, một số xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức không theo nguyên tắc trên.

Khi quy trình thực hiện không đúng, thiếu cơ chế giám sát, sẽ dẫn đến nguy cơ thất thoát phí chứng thực. Việc ghi biên lai cũng thiếu chặt chẽ, biên lai không được ban hành theo quy định dẫn đến nguồn thu phí, lệ phí chứng thực bị thất thoát; tồn tại phổ biến việc “miễn phí” chứng thực đối với người quen. Hầu hết người dân không nhận được giấy biên lai thu lệ phí chứng thực mà chỉ khi nào người dân yêu cầu thì công chức thu phí mới ghi biên lai. Trong khi đó, việc miễn giảm cho các đối tượng theo Thông tư số

226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực chưa được thực hiện, quyền lợi người dân chưa được đảm bảo, gây thất thu ngân sách cho nhà nước.

2.4.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong hoạt động chứng thực của UBND xã

- Nguyên nhân chung

Thứ nhất, chưa có đạo luật chuyên ngành về chứng thực

Pháp luật về chứng thực là pháp luật về hình thức (pháp luật về thủ tục). Vì vậy, việc áp dụng và thực hiện pháp luật về chứng thực phải phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động chứng thực, là các quy định về nội dung thuộc các chuyên ngành khác nhau như: dân sự, đất đai, nhà ở... Thực tế, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động chứng thực đã không ngừng được sửa đổi, bổ sung và từng bước được hoàn thiện, tạo thuận lợi cho người thực hiện chứng thực. Tuy nhiên, pháp luật chứng thực ở Việt Nam mới chỉ dừng lại ở nghị định, trong khi các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực chứng thực hầu hết đã được ban hành ở cấp độ Luật như: Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Hôn nhân và gia đình... Do đó, sự tuân thủ của các cơ quan, tổ chức đối với các quy định của pháp luật về chứng thực không cao do bị chi phối bởi nhiều các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Thứ hai, nhận thức về chứng thực còn nhiều bất cập

Xét về phương diện lý thuyết cũng như thực tiễn, để tổ chức, thực hiện chứng thực đạt hiệu quả cao, đảm bảo phát huy vai trò chứng thực trong đời sống xã hội, trước hết cần có nhận thức đúng về chứng thực trên cơ sở làm rõ vấn đề lý luận về chứng thực. Tuy nhiên, nhận thức về chứng thực chưa được đầy đủ, chưa có hệ thống lý luận hoàn chỉnh trên cơ sở khoa học và thực tiễn

về chứng thực. Mặt khác, thể chế chứng thực ngày càng hoàn chỉnh hơn nhưng các quy định của pháp luật về chứng thực vẫn còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính nên chưa tạo được sự chuyển biến căn bản về tổ chức và hoạt động chứng thực. Sự lạc hậu về lý luận, dẫn đến sự nhận thức không đầy đủ, thiếu thống nhất về chứng thực vừa là nguyên nhân của những yếu kém bất cập.

Thứ ba, về tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực

Đối với hoạt động chứng thực, báo cáo của Bộ tư pháp cho biết cũng còn nhiều bất cập như một số UBND cấp huyện, xã vẫn chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của nhân dân, có hiện tượng quá tải trong việc chứng thực bản sao tại một số nơi, một số thời điểm, đồng thời do chưa có sự vào cuộc đồng bộ của các cơ quan liên quan dẫn đến tình trạng lậm dụng bản sao trong khi pháp luật đã quy định chỉ cần có bản chính để đối chiếu; chất lượng chứng thực trong một số trường hợp chưa đảm bảo, thu lệ phí không đúng quy định...

Việc kiểm tra, đối chiếu giữa bản chính và bản sao trong chứng thực bản sao từ bản chính ở một số đơn vị còn dễ dãi, tùy tiện, dẫn đến một số trường hợp văn bản không phải là bản chính hoặc bản chính có sửa chữa, tẩy xóa vẫn chứng thực; một số đơn vị ghi chép sổ không đầy đủ theo quy định...

Thứ tư, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về chứng thực chưa được coi trọng

Hiện nay, chương trình tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về chứng thực nằm trong chương trình chung của Bộ tư pháp, Sở tư pháp thành phố hàng năm. Song mảng tuyên truyền rất nhỏ, được đề cập rất ít. Đến ngay cán bộ công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước cũng chưa hiểu rõ được thuật ngữ “công chứng” và “chứng thực”.

Thứ năm, hoạt động thanh tra, kiểm tra còn chưa đáp ứng yêu cầu

Công tác kiểm tra, thanh tra về tình hình tổ chức, hoạt động chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương còn chưa chặt chẽ, không thường xuyên nên dẫn đến việc phát hiện, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, chấn chỉnh những hành vi vi phạm pháp luật đôi khi còn chưa hiệu quả.

Công tác hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ tư pháp, Sở tư pháp, Phòng Tư pháp đôi khi chưa kịp thời, chưa sâu sát dẫn đến những ai có sai sót ở cơ sở chưa được phát hiện để chấn chỉnh.

- Nguyên nhân cụ thể về hoạt động chứng thực qua thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

Bên cạnh những nguyên nhân chung nói trên, còn một số nguyên nhân cụ thể tại UBND các xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức như sau:

Thứ nhất, công tác chứng thực chưa thực sự được quan tâm

Có thể thấy rằng, một trong những bất cập hạn chế trên xuất phát từ việc những điều kiện hiện tại của huyện Mỹ Đức chưa thực sự đảm bảo cho việc thực hiện chứng thực ở cấp xã một cách tốt nhất. Đó là những hạn chế về cơ sở vật chất còn thiếu thốn, xuống cấp trong khi ngân sách cơ sở không đủ mạnh để tự trang bị, sự hỗ trợ của chính quyền thành phố còn hạn chế; trình độ quản lý, năng lực điều hành của cán bộ quản lý, trình độ kiến thức, năng lực tổ chức thực hiện của công chức tư pháp – hộ tịch hiện tại chưa đáp ứng với sự gia tăng phức tạp về số lượng công việc khi họ phải thêm công việc chứng thực. Trong khi đó, sự hỗ trợ về tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng còn ít, chính sách khuyến khích chưa khích lệ được tinh thần trách nhiệm thực thi công việc, tinh thần học hỏi, trau dồi kỹ năng, kiến thức. Công tác chỉ đạo, điều hành, thanh tra, kiểm tra sự hỗ trợ của các cơ quan hữu quan còn yếu, chưa kịp thời lên những sai lệch, vi phạm chưa được phát hiện và chỉnh đốn kịp thời nên những sai lệch vi phạm chưa được phát hiện và chỉnh đốn kịp

thời tạo nên những thói quen khó đổi. Ý thức pháp luật của cán bộ chứng thực chưa cao, còn tình trạng coi thường pháp luật, bỏ qua những quy định trong quy trình thực hiện chứng thực. Quy chế dân chủ chưa thực hiện tốt, nhân dân còn thiếu thông tin về chứng thực dẫn đến tình trạng nhận thức và thực hiện còn lúng túng. Quy chế một cửa được thực hiện chưa đồng bộ và thiếu nghiêm túc, quy trình chứng thực theo cơ chế một cửa chưa được coi trọng.

Thứ hai, do trình độ nhận thức pháp luật chứng thực còn hạn chế

Trình độ của công chức làm công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính tại các xã còn hạn chế, dẫn đến việc hướng dẫn và tiếp nhận yêu cầu chứng thực của công dân còn lúng túng, khó khăn như: Tiếp nhận thiếu thành phần hồ sơ chứng thực hợp đồng giao dịch; hướng dẫn thủ tục cho công dân thì lòng vòng, khó hiểu; tiếp nhận bản sao từ bản chính không đầy đủ so với bản chính, bản chính bị sửa chữa thông tin mà không có dính chính hoặc giáp lai, bản chính điền thêm thông tin...

Do trình độ của công chức làm công tác chứng thực vẫn còn yếu kém về năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp dẫn đến hiện tượng tiêu cực trong quản lý nhà nước về chứng thực. Ví dụ như một số trường hợp, cấp bản sao từ sổ gốc, theo quy định thì phải căn cứ vào sổ gốc để chứng thực nhưng căn cứ vào giấy tờ tùy thân của công dân để cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực sao y bản chính mà không cần bản chính để đối chiếu...

Thứ ba, cơ chế đãi ngộ đối với công chức Tư pháp – hộ tịch làm công tác chứng thực chưa được quan tâm

Theo Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, quy định: Đối với trưởng bộ phận

và công chức chuyên trách làm việc tại UBND xã được bồi dưỡng 0,6/người/tháng x mức lương tối thiểu và được cấp trang phục với mức chi là 3.000.000đ đối với năm đầu; từ năm thứ hai trở đi là 1.500.000đ. Đối với công chức là việc kiêm nhiệm và lao động hợp đồng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính được bồi dưỡng 0,02/người/buổi x mức lương tối thiểu.

Về phía cán bộ, công chức thực hiện chứng thực, chế độ đãi ngộ như vậy đối với họ là chưa tích cực. Bởi lẽ, công chức Tư pháp thực hiện chứng thực vừa phải thực hiện chứng thực, vừa phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ chứng thực, mà chế độ đãi ngộ không tương xứng giữa công chức tiếp nhận và trả kết quả với công chức tư pháp làm công tác chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính. Điều này tác động không nhỏ đến trách nhiệm trong việc tiếp nhận các yêu cầu chứng thực, coi nhẹ quy trình chứng thực, không tuân thủ quy trình một cửa, hạn chế việc phải thực hiện chứng thực.

Thứ tư, hạn chế xuất phát từ tính chất làng xã của người Việt Nam

Huyện Mỹ Đức là một huyện ngoại thành Hà Nội, đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại các xã đa phần đều là người thuộc địa phương. Do vậy, ngoài quan hệ công việc thì giữa công dân và cán bộ, công chức còn có quan hệ họ hàng, tình làng nghĩa xóm. Trong việc thực hiện chứng thực còn nể nang, không đúng quy định như: Khi chứng thực sao y bản chính vì một lý do nào đó người yêu cầu chứng thực không xuất trình được bản chính nhưng cán bộ chứng thực vẫn thực hiện chứng thực; hay chứng thực bản sao từ sổ gốc theo giấy tờ tùy thân hiện tại của người yêu cầu chứng thực; miễn lệ phí cho người quen...

Kết luận chương 2

Mỹ Đức là một huyện ngoại thành của thành phố Hà Nội. Cùng với quá trình đổi mới của đất nước, chính quyền và nhân dân huyện Mỹ Đức đã thu được những kết quả nhất định về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh nâng cao đời sống vật chất của nhân dân.

Công tác chứng thực đã đóng vai trò tích cực trong đảm bảo an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế thương mại. Pháp luật về chứng thực đã quy định rõ về thủ tục, trình tự, thẩm quyền của hoạt động chứng thực...góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động chứng thực, tạo thuận lợi cho các chủ thể thực hiện chứng thực, thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định trật tự xã hội. Bên cạnh những kết quả đạt được, pháp luật về chứng thực còn bộc lộ những bất cập, hạn chế do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, gây ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động chứng thực.

Căn cứ vào thực trạng tổ chức và thực hiện chứng thực tại huyện Mỹ Đức, tác giả đã đưa ra được những kết quả đạt được cũng như bất cập, hạn chế và nguyên nhân dẫn đến những bất cập trong hoạt động chứng thực của UBND cấp xã trên địa bàn. Đây là cơ sở để tác giả đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng hoạt động chứng thực của UBND cấp xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức trong điều kiện hiện nay.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

3.1. Quan điểm hoàn thiện chứng thực Ủy ban nhân dân xã

Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ra đời đã có nhiều điểm mới và ưu điểm khắc phục được những hạn chế của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP, song quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa ngang tầm với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác. Vì vậy, cần phải nâng tầm pháp luật về chứng thực từ Nghị định lên cấp độ Luật Chứng thực để bảo vệ các quy định pháp luật chứng thực, bảo đảm hoạt động chứng thực ngang tầm với các hoạt pháp luật chuyên ngành có liên quan. Đặc biệt là bảo đảm các quan hệ kinh tế, thương mại, dân sự... đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực.

Việc đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động chứng thực nói chung và hoạt động chứng thực ở cấp xã nói riêng cần phải bảo đảm theo các hướng sau:

3.1.1. Tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện các quyền, nghĩa vụ được pháp luật quy định và phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương

Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã khẳng định: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân [30, Điều 2]. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền là chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát

triển toàn diện [30, Điều 3] . Chính vì vậy, pháp luật của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thể hiện được ý chí của nhân dân. Nằm trong hệ thống pháp luật của nước nhà, pháp luật về chứng thực cũng phải đảm bảo các quyền, lợi ích chính đáng cũng như nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Thông qua hoạt động chứng thực, Nhà nước cung cấp dịch vụ công nhằm đảm bảo an toàn pháp lý cho hợp đồng, giao dịch, tạo lập giá trị pháp lý cho các giấy tờ, văn bản được chứng thực phục vụ nhu cầu sử dụng, tạo sự tin tưởng vững chắc cho các tổ chức, cá nhân khi sử dụng và thực hiện thủ tục hành chính nói chung. Qua đó, giúp cho người thực hiện giao dịch của mình được thuận lợi hơn. Thực tế cũng cho thấy, việc sử dụng bản sao có chứng thực một cách hợp lý đã góp phần giảm chi phí đi lại, giảm rủi ro thất lạc bản chính giấy tờ, văn bản của người dân.

Có thể nói, hoạt động chứng thực không chỉ mang tính chất dịch vụ công, phục vụ lợi ích thiết thực của nhân dân, mà còn là cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép công dân, tổ chức thực hiện một cách hợp pháp các giao dịch của mình; điều kiện cần để các giao dịch dân sự được bảo đảm thực hiện trên thực tế và là cơ sở pháp lý để tòa án giải quyết cho các bên đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khi có tranh chấp xảy ra; công cụ hỗ trợ cho chức năng quản lý nhà nước trong thực tiễn quản lý, giảm thiểu những thủ tục có liên quan đến các loại giấy tờ cần thiết.

Thông qua pháp luật, Nhà nước đảm bảo hoạt động chứng thực đúng các quy định của pháp luật, đúng định hướng, đảm bảo ổn định trật tự, công bằng xã hội, khắc phục tình trạng tùy tiện, vô nguyên tắc gây mất ổn định xã hội. Bảo đảm hoạt động chứng thực đúng pháp luật cũng chính là bảo đảm các quyền của công dân được tôn trọng, bình đẳng trước pháp luật, góp phần thúc

đẩy kinh tế, xã hội phát triển, giữ ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

3.1.2. Hoạt động chứng thực phục vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hoàn thiện pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền

Công cuộc đổi mới nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ to lớn và lâu dài, đặt ra yêu cầu cải cách đối với mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội là một nhiệm vụ lịch sử to lớn và lâu dài, trong đó có hoạt động chứng thực nói chung và hoạt động chứng thực ở cấp xã nói riêng.

Việc xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ hiệu quả được thể hiện trong Nghị quyết số 48NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Là một hoạt động thuộc lĩnh vực hành chính tư pháp, việc đổi mới hoạt động chứng thực phải hiện thực hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước.

Mặt khác, nhằm hướng tới một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cần thực hiện tốt mục tiêu của Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 là cải cách thể chế; xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công [4,tr2].Coi cải cách hành chính là một nhiệm vụ trọng tâm, một khâu đột phá trong việc xây dựng một nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong giai

đoạn mới. Đồng thời thực hiện tốt mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cải cách hành chính và cải cách tư pháp chính là đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, bảo đảm mọi hành vi đều bị xử lý, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Củng cố, kiện toàn bộ máy cơ quan tư pháp, đổi mới tổ chức và hoạt động cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động chứng thực.

Cải cách hành chính trong lĩnh vực chứng thực đòi hỏi phải công khai và đơn giản hóa các thủ tục để bảo đảm các quyền công dân được mở rộng dân chủ; xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp thành bộ máy phục vụ nhân dân. Như vậy, việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động chứng thực là một nội dung trong tổng thể cải cách nền hành chính, cải cách tư pháp ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đây vừa là đòi hỏi tất yếu, đồng thời cũng là sự phục vụ đắc lực cho quá trình đổi mới, xây dựng nhà nước dân chủ pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thì việc phát huy vai trò của pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước là hết sức quan trọng. Trên lĩnh vực chứng thực, các quy định của pháp luật về chứng thực đã có sự phát triển, hoàn thiện là cơ sở cho hoạt động chứng thực được phát triển. Tuy nhiên, các quy định về chứng thực còn nhiều hạn chế bất cập (mới chỉ dừng lại ở Nghị định về chứng thực), chưa ngang tầm với pháp luật nội dung chuyên ngành liên quan với tư cách là luật chuyên ngành. Cần phải sớm khắc phục kịp thời những tồn tại hạn chế, bất cập hiện hành đáp ứng tình hình thực tế trong hoạt động chứng thực.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về chứng thực

Hoạt động chứng thực của nước ta hiện nay được thực hiện theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ra đời thay thế cho các quy định về chứng thực sao y bản chính, chứng thực chữ ký các văn bản bằng tiếng Việt tại Nghị định số 79/2007 và Nghị định số 04/2012/NĐ-CP, Nghị định số 75/2000/NĐ-CP. Mặt khác, sau hơn 60 năm hình thành và phát triển pháp luật về chứng thực của nước ta mới chỉ dừng lại ở tầm Nghị định. Qua phân tích ở chương 2 có thể thấy Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế cần được khắc phục. Để tạo điều kiện cho hoạt động chứng thực tiếp tục phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa và phát triển thành một dịch vụ hành chính tiêu biểu thì cần tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề mang tính cấp bách, cần thiết nhất để tháo gỡ khó khăn vướng mắc lớn về thể chế, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho hoạt động chứng thực; Nâng cao vị trí, vai trò của hoạt động chứng thực trong quá trình phát triển kinh tế xã hội; Nâng cao giá trị pháp lý của các văn bản chứng thực có hiệu lực thi hành trong thực tiễn. Thiết nghĩ, trong thời gian tới Quốc hội cần ban hành Luật Chứng thực, phù hợp với tình hình và xu thế phát triển của xã hội đảm bảo lợi ích của cá nhân, tổ chức, đồng thời bảo đảm giá trị pháp lý của văn bản, giấy tờ chứng thực ngang tầm với giá trị của văn bản giấy tờ được công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng.

Việc xây dựng Luật chứng thực phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Hợp nhất có điều chỉnh một cách phù hợp với tình hình thực tiễn các văn bản pháp luật hiện hành về chứng thực;

- Sửa đổi những nội dung bất hợp lý trong những văn bản quy định về chứng thực;
- Phân định lại phạm vi chứng thực giữa các cơ quan có thẩm quyền;
- Quy định rõ về yêu cầu chất lượng, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện hoạt động chứng thực;
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về chứng thực. Phân định hợp lý vai trò, trách nhiệm của các cấp quản lý đảm bảo sự điều hành thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Đồng thời với việc ban hành Luật chứng thực cũng cần kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật chứng thực (Nghị định, thông tư, công văn hướng dẫn...). Việc này sẽ giúp cho pháp luật về chứng thực nhanh chóng đi vào cuộc sống, đảm bảo hoạt động chứng thực được duy trì ổn định, đồng bộ và thống nhất. Để làm được như vậy thì Quốc hội với tư cách là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với chức năng lập hiến, lập pháp thì Luật chứng thực sẽ do Quốc Hội xây dựng và ban hành. Chính phủ có trách nhiệm xây dựng và ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của luật; thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật và Nghị định để cán bộ và nhân dân có thể hiểu rõ hơn các quy định của Luật. UBND thành phố chỉ đạo Sở tư pháp tổng hợp các kiến nghị từ các địa phương trên địa bàn làm cơ sở kiến nghị với Chính phủ, Bộ tư pháp ban hành, sửa đổi, bổ sung những quy định liên quan đến hoạt động chứng thực; Chủ tịch UBND thành phố ban hành các quyết định điều chỉnh và cụ thể hóa hoạt động chứng thực trên địa bàn mình quản lý. Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp cấp huyện thường xuyên chỉ đạo việc tổ chức thực hiện hoạt động chứng thực của UBND xã; theo dõi nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong

quá trình triển khai các văn bản điều chỉnh hoạt động chứng thực, kịp thời hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về chứng thực và giải đáp những khó khăn vướng mắc của cấp xã. Có như vậy mới tạo được hành lang vững chắc, đồng bộ và thống nhất cho hoạt động chứng thực.

3.2.2. Nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã trong quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện chứng thực theo thẩm quyền

Chứng thực là chế định pháp lý quan trọng, liên quan mật thiết đến quyền và lợi ích của công dân và tổ chức. Cùng với sự phát triển của xã hội nhu cầu chứng thực của công dân và tổ chức ngày càng tăng. Nhà nước thực hiện chứng thực nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên tham gia các giao dịch và đảm bảo an toàn cho quản lý nhà nước.

Xác định được vai trò, ý nghĩa của hoạt động chứng thực trong công tác quản lý nhà nước nói chung và thực hiện chính sách kinh tế-xã hội nói riêng trong xác lập các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại và xác định các nội dung liên quan đến cá nhân, tổ chức, trong những năm qua Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Đức và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện luôn có sự quan tâm, chỉ đạo đúng mức tới công tác này. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động chứng thực UBND các xã cần thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước cũng như tổ chức thực hiện hoạt động chứng thực, cụ thể:

- Tổ chức thực hiện tốt các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của mình; Tuân thủ đúng quy định pháp luật khi chứng thực, không đặt thêm yêu cầu, hồ sơ, thủ tục khi chứng thực, không từ chối chứng thực trái quy định, không thực hiện chứng thực chữ ký đối với các hợp đồng, giao dịch dân sự (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác);

- Bố trí nhân sự có đủ trình độ, kỹ năng và kiến thức pháp luật để tiếp nhận yêu cầu chứng thực và giúp việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã, thị trấn trong công tác chứng thực; Chú trọng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho người có thẩm quyền chứng thực và người được phân công tiếp nhận hồ sơ chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;

- Tổ chức tốt việc tiếp nhận yêu cầu chứng thực và trực giải quyết các yêu cầu chứng thực của người dân, hạn chế việc người dân phải đi lại nhiều lần;

- Bảo đảm phương tiện vật chất cần thiết cho công tác chứng thực; Bố trí kinh phí để thực hiện tốt và hiệu quả công tác chứng thực;

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về chứng thực đến nhân dân;

- Việc xác định trong khi thu lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính được thực hiện theo nguyên tắc có lợi cho người dân;

- Rà soát các thủ tục hành chính thực hiện tại đơn vị mình, không yêu cầu chứng thực trái quy định, khi tiếp nhận hồ sơ hành chính phải đối chiếu bản sao không có chứng thực với bản chính (nếu thuận lợi cho người nộp hồ sơ), người đối chiếu ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính;

- Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn rà soát các thủ tục của tổ chức, doanh nghiệp mình, không yêu cầu chứng thực trái quy định pháp luật;

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình công tác chứng thực tại địa phương cho Ủy ban nhân dân huyện.

3.2.3. Bố trí nguồn nhân lực có chất lượng thực hiện chứng thực

Cán bộ, công chức là yếu tố quan trọng trong hoạt động công vụ, một trong những nội dung trong cải cách nền hành chính của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đây là yếu tố quan trọng nhất quyết định chất lượng và hiệu quả của nền hành chính.

Việc bố trí đội ngũ công chức tư pháp thực hiện chứng thực ở cấp xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đúng với tiêu chuẩn để thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến hoạt động chứng thực góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động chứng thực. Cụ thể bằng những biện pháp sau:

Thứ nhất, bổ sung công chức tư pháp đối với những xã có nhu cầu chứng thực lớn và những xã có một công chức tư pháp – hộ tịch. Việc đề xuất bổ sung công chức Tư pháp cấp xã cần được thực hiện dựa trên quy định của pháp luật về cán bộ công chức cấp xã và nhu cầu bổ sung công chức chứng thực. Theo đó, những địa phương có nhu cầu chứng thực lớn mà vẫn phải kiêm nhiệm nhiều việc, đặc biệt là kiêm nhiệm cả hai nhiệm vụ hộ tịch và tư pháp thì cần được bổ sung thêm. Bởi theo quy định thì chức danh Tư pháp – hộ tịch có nhiều nhiệm vụ, nếu phải kiêm nhiệm nhiều đầu việc thì công chức tư pháp không thể đảm đương hết được, có nhiệm vụ phải giải quyết ngoài trụ sở UBND như: phối hợp thi hành án dân sự, hòa giải, giải quyết tranh chấp...những công việc ấy tốn nhiều công sức và thời gian. Trong khi đó công tác chứng thực phải đảm bảo thực hiện ngay trong ngày trừ một số trường hợp khác theo luật định. Do vậy, trong tương lai khi mà công tác chứng thực dần đi vào ổn định, lượng yêu cầu chứng thực tăng lên, thì vấn đề bổ sung công chức chứng thực là điều tất yếu, là giải pháp quan trọng tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao và phục vụ tốt nhu cầu chứng thực của công dân.

Theo quy định của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ nội vụ về hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể,

nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn. Hiện nay, huyện Mỹ Đức đã bố trí từ 01 đến 02 công chức tư pháp – hộ tịch. Để đáp ứng kịp thời nhu cầu của công dân, tổ chức và xã hội trong lĩnh vực chứng thực. Đề nghị cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cần quan tâm, bố trí thêm 01 công chức Tư pháp thực hiện chứng thực ở các xã có 01 công chức. Như vậy, công chức tư pháp – hộ tịch mới có thể đảm đương được các nhiệm vụ tư pháp được giao.

Thứ hai, bố trí, sử dụng công chức đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo thực hiện tốt công tác chứng thực. Việc bố trí, sử dụng công chức phải lựa chọn người đúng tiêu chuẩn, không chêm trước cho nợ tiêu chuẩn rồi đi học trả sau như đã từng diễn ra trước đây. Bởi nhu cầu chứng thực của cá nhân, tổ chức ngày càng tăng, các giao dịch yêu cầu chứng thực ngày càng phức tạp yêu cầu người làm công tác chứng thực phải là người am hiểu kiến thức pháp luật; mặt khác, công chức tư pháp cũng là người hướng dẫn, thực hiện pháp luật về chứng thực và góp phần đưa pháp luật chứng thực đi vào đời sống. Do vậy, việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức đủ năng lực, trình độ làm việc là một nhiệm vụ hàng đầu đưa công tác chứng thực đạt hiệu quả cao.

Thứ ba, cần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác chứng thực. Việc đào tạo cần quy định cụ thể chế độ đào tạo, bồi dưỡng gồm: đào tạo tiền công vụ, đào tạo bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh cán bộ, công chức. Việc đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã phải theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn các chức danh, tiêu chuẩn ngạch của công chức. Hằng năm công chức cấp xã phải tham gia đào tạo kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí và chức năng của mình. Sở Nội Vụ chịu trách nhiệm xây dựng, quy hoạch, kế hoạch và tổ chức việc đào tạo bồi dưỡng để tạo nguồn và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ,

công chức cấp xã. UBND các xã có trách nhiệm tạo điều kiện để công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ công chức cấp xã phải xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của mình trong đào tạo, bồi dưỡng.

Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự làm công tác chứng thực hiện có ở cấp xã của huyện Mỹ Đức trước hết Phòng Tư pháp huyện Mỹ Đức cần kết hợp với Sở Tư pháp Hà Nội xây dựng nội dung bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu hiện tại, bảo đảm yêu cầu đặc thù cho đối tượng, phải có trọng tâm trọng điểm không nên thực hiện dàn trải, vừa mất thời gian vừa không hiệu quả. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ tư pháp – hộ tịch cấp xã cần tập trung vào những kiến thức cơ bản về công vụ, công chức, đạo đức công chức, thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính và các kỹ năng giao tiếp hành chính, kỹ năng nhận và xử lý hồ sơ hành chính....

Về tổng thể trong tương lai cần chuẩn hóa dần đội ngũ công chức Tư pháp – hộ tịch huyện Mỹ Đức để vừa trẻ hóa đội ngũ, vừa nâng cao chất lượng đào tạo nhất là những người được đào tạo cơ bản về luật. Chính quyền địa phương cần có cơ chế sử dụng nhân tài theo hướng đảm bảo các yêu cầu về chất và lượng.

3.2.4. Bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động chứng thực

Cơ sở vật chất là một yếu tố quan trọng đảm bảo cho hoạt động chứng thực được thực hiện một cách có hiệu quả. Hoạt động chứng thực tại UBND cấp xã của huyện Mỹ Đức hiện nay được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính theo quy chế được quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Theo đó, một trong những yêu cầu đảm bảo thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông là yếu tố cơ sở vật

chất, trang thiết bị cho hoạt động hành chính nói chung và hoạt động chứng thực nói riêng.

Theo quyết định số 09/2015/QĐ-TTg thì diện tích làm việc tối thiểu của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã là 40m², có máy vi tính, máy photocopy, máy fax, máy in, điện thoại cố định, ghế ngồi, bàn làm việc, nước uống, quạt mát hoặc máy điều hòa nhiệt độ và các trang thiết bị cần thiết khác để đáp ứng nhu cầu làm việc và yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước [35, Điều 9, khoản 2]. Nhưng hiện nay, hầu hết các xã của huyện Mỹ Đức chưa đáp ứng được yêu cầu trên, đặc biệt là trang thiết bị phục vụ cho công tác chứng thực như máy photo. Việc trang bị máy photo phục vụ cho công tác chứng thực không chỉ đem lại thuận tiện cho người dân (không phải đi xa để photo văn bản, giấy tờ cần chứng thực), mà còn là công cụ hỗ trợ cho công chức thực hiện việc đối chiếu bản sao với bản chính giấy tờ, văn bản một cách thuận, nhanh chóng (chỉ cần kiểm tra điều kiện chứng thực của bản chính mà không phải đối chiếu bản sao với bản chính) đặc biệt trong trường hợp cá nhân, tổ chức chứng thực nhiều bản sao.

Trước nhu cầu chứng thực càng gia tăng về số lượng và sự phức tạp của đối tượng chứng thực thì việc cần bảo đảm quản lý và thực hiện chứng thực tốt là đòi hỏi bức thiết. Điều này một phần được đáp ứng nếu công tác chứng thực được trang bị những phương tiện kỹ thuật hỗ trợ cần thiết như máy photo, máy tính. Đây cũng là những đề xuất, kiến nghị của nhiều xã đối với UBND huyện trong thời gian vừa qua.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả của hoạt động chứng thực thì những trang thiết bị như bàn ghế, tủ đựng tài liệu, sổ sách theo dõi, kho lưu hồ sơ chứng thực là rất cần thiết, giúp cho công tác quản lý chứng thực được dễ dàng, hiệu quả, đúng quy định. Vấn đề đặt ra là tìm kiếm giải pháp về cơ chế

tài chính cho cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết trên. Giải pháp về tài chính cho việc mua sắm trang thiết bị cần đến sự phối hợp của các cấp và địa phương có thể là: sự hỗ trợ từ nguồn tài chính của cấp huyện, thành phố; trích từ ngân sách địa phương, từ nguồn thu lệ phí chứng thực; tìm kiếm sự hỗ trợ của cá nhân, tổ chức...

3.2.5. Nâng cao hiệu quả của tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chứng thực trên địa bàn

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật có vai trò rất quan trọng, là cầu nối để đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với mọi tầng lớp người dân; là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để pháp luật chứng thực đi vào đời sống thực tiễn, nâng cao văn hóa pháp lý tiến bộ cho người dân. Trong thời gian tới cần quan tâm tiến hành các biện pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp đối với công tác tuyên truyền, PBGDPL:

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cần tiếp tục quán triệt Chỉ thị số 32/CT-TW của Ban Bí thư và đẩy mạnh thực hiện các Đề án, Chương trình, Kế hoạch của Chính phủ, Bộ Tư pháp và UBND thành phố về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2015 – 2020. Các cấp ủy phải thường xuyên tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch PBGDPL trên địa bàn cấp mình và phải luôn xác định vai trò gương mẫu và tiên phong của đảng viên trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động, kịp thời đôn đốc, chỉ đạo xử lý những vướng mắc nảy sinh trong quá trình PBGDPL.

Bên cạnh việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thì sự tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền địa phương là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN.

Hai là, chú trọng xây dựng đội ngũ làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật - vai trò quyết định chất lượng tuyên truyền, PBGDPL. Cần tuyển chọn những người có phẩm chất, năng lực, trình độ, có khả năng tuyên truyền, giáo dục có lòng nhiệt tình, say mê với công việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

Ba là, đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp PBGDPL. Cần đổi mới nội dung tuyên truyền, PBGDPL theo hướng phải thiết thực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn từng địa phương để một mặt nâng cao trình độ nhận thức cho các đối tượng, mặt khác giúp họ có khả năng vận dụng sáng tạo các quy định của pháp luật chứng thực vào đời sống. Cần đa dạng hóa hình thức, phương pháp tuyên truyền, PBGDPL, không chỉ thông qua các hội nghị, hệ thống truyền thanh, công tác hòa giải ở cơ sở, hoạt động câu lạc bộ pháp luật mà bằng những cách thức khác như tọa đàm, buổi nói chuyện, cung cấp các tin bài, cấp phát tài liệu hỏi đáp, tờ gấp, tờ rơi, panô, áp phích, khai thác, tìm hiểu pháp luật qua tủ sách pháp luật,... để người dân có thể cập nhật thông tin, trao đổi, bàn luận và tìm hướng giải quyết cho những vấn đề bức xúc trong lĩnh vực chứng thực và các lĩnh vực khác.

Ngoài ra, cần lồng ghép việc tuyên truyền, PBGDPL tại các buổi sinh hoạt cộng đồng. Xây dựng và phát huy phương châm mỗi người dân là một tuyên truyền viên trong cộng đồng. Chú trọng nâng cao hiệu quả hình thức thi tìm hiểu pháp luật. Đối với hình thức PBGDPL qua hoạt động tư vấn, trợ giúp pháp luật cần mở rộng phạm vi hoạt động, không chỉ tư vấn tại trụ sở mà còn đến các thôn xóm, cụm dân cư, tư vấn lưu động hoặc thông qua các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

3.2.6. Thực hiện cải cách hành chính trong hoạt động chứng thực

Cải cách thủ tục hành chính nhằm đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả minh bạch và công bằng trong khi giải quyết các công việc hành chính. Loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động chứng thực để hoạt động chứng thực phát huy tốt vai trò của mình trong đời sống xã hội, trở thành công cụ đắc lực để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Để cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức cần thực hiện các giải pháp sau:

- Duy trì việc thực hiện cơ chế một cửa một cửa liên thông, tạo thuận lợi cho cán bộ, tổ chức liên hệ công tác và người dân đến yêu cầu chứng thực, thủ tục được giải quyết nhanh chóng, thuận tiện, tạo sự hài lòng và đồng thuận của người dân, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chứng thực

- Bố trí đủ nhân lực làm công tác chứng thực, trang thiết bị theo tiêu chuẩn, quy trình một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính xã để giảm thời gian giải quyết chứng thực đến mức tối đa.

- Tập trung chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, thực hiện các công việc hành chính một cách thống nhất, công khai, minh bạch, đúng luật, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khi đến giao dịch.

Kết luận chương 3

Chứng thực là chế định pháp lý quan trọng liên quan mật thiết đến quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức, đồng thời cũng là những công cụ phục vụ đắc lực cho công tác quản lý của Nhà nước. Trong những năm qua, được sự

quan tâm của Đảng và Nhà nước thể chế chứng thực ngày càng được hoàn thiện, thủ tục tinh giản gọn nhẹ, thẩm quyền được phân định rõ ràng, thời gian thực hiện được rút ngắn... đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn tồn tại những bất cập hạn chế trong quy định của pháp luật cũng như trong tổ chức, thực hiện pháp luật về chứng thực cần được khắc phục. Trên cơ sở nghiên cứu tại chương 1 và chương 2, tác giả mạnh dạn đưa ra các quan điểm hoàn thiện và giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về chứng thực tại UBND cấp xã qua thực tiễn huyện Mỹ Đức.

Về quan điểm hoàn thiện chứng thực Ủy ban nhân dân xã cần phải tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện các quyền, nghĩa vụ được pháp luật quy định và phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương; Hoạt động chứng thực phục vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hoàn thiện pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền.

Về giải pháp hoàn thiện chứng thực Ủy ban nhân dân xã gồm có các giải pháp: Hoàn thiện pháp luật về chứng thực Ủy ban nhân dân xã; Nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã trong quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện chứng thực theo thẩm quyền; Bố trí nguồn nhân lực có chất lượng thực hiện chứng thực; Bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động chứng thực; Nâng cao hiệu quả của tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chứng thực trên địa bàn; Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực chứng thực.

KẾT LUẬN

Với đề tài luận văn “*Chứng thực của Ủy ban nhân dân xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội*” tác giả đã khái quát một cách tổng quát về những vấn đề lý luận về chứng thực của ủy ban nhân dân cấp xã; thực trạng chứng thực của ủy ban nhân dân xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; quan điểm và giải pháp hoàn thiện chứng thực của ủy ban nhân dân xã.

Qua nghiên cứu thực trạng hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức về tổ chức bộ máy và bố trí nguồn nhân lực thực hiện chứng thực; tổ chức, thực hiện chứng thực theo thẩm quyền pháp luật quy định và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chứng thực. Thực tiễn cho thấy cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức ngành Tư pháp là sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp và sự phát triển của các quy định pháp luật về chứng thực đã góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội trong công cuộc đổi mới đất nước. Tuy nhiên, trong hoạt động này vẫn còn bộc lộ những hạn chế yếu kém: những bất cập về thể chế chứng thực; bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực; hạn chế về điều kiện hiện tại về con người, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác chứng thực.

Nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực tại Việt Nam nói chung và huyện Mỹ Đức nói riêng hiện nay là một yêu cầu tất yếu khách quan và cấp bách nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ và chiến lược đổi mới tổ chức, hoạt động, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, thực hiện đường lối của Đảng trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân và các yêu cầu đặt ra đối với công tác chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, tác giả đã đưa ra quan điểm và mục tiêu nâng cao hiệu quả

của hoạt động chứng thực quan đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về chứng thực và nâng cao hiệu quả công tác chứng thực qua thực tiễn huyện Mỹ Đức trong giai đoạn hiện nay gồm: Hoàn thiện pháp luật về chứng thực Ủy ban nhân dân xã; Nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã trong quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện chứng thực theo thẩm quyền; Bố trí nguồn nhân lực có chất lượng thực hiện chứng thực; Bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động chứng thực; Nâng cao hiệu quả của tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chứng thực trên địa bàn; Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực chứng thực.

Tôi hi vọng rằng kết quả nghiên cứu của luận văn “***Chứng thực của Ủy ban nhân dân xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội***” sẽ góp phần vào công cuộc đổi mới, hoàn thiện thể chế pháp luật về chứng thực của nước ta hiện nay – giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phùng Phương Anh (2013), *Chứng thực của Ủy ban nhân dân phường từ thực tiễn quận Đống Đa, thành phố Hà Nội*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị Quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị Quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2011), *Nghị Quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020*, Hà Nội.
5. Bộ Nội vụ (2012), *Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức trách tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
6. Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính-Bộ Tư pháp ngày 12/10/2015 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch*, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư số 20/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 29/12/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch*, Hà Nội.

8. Bộ Tư pháp (2016), *Quyết định số 1088/QĐ-BTP ngày 18/5/2016 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư Pháp*, Hà Nội.
9. Chính phủ (1996), *Nghị định số 31/CP của Chính phủ ngày 18/5/1996 quy định về tổ chức và hoạt động của công chứng Nhà nước*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2000), *Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 về công chứng, chứng thực*, Hà Nội.
11. Chính phủ, *Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2007), *Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký*, Hà Nội.
13. Chính phủ (2009), *Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2010), *Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020*, Hà Nội.
15. Chính phủ (2011), *Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2012), *Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2012), *Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch hôn nhân và gia đình và chứng thực*, Hà Nội.

18. Chính phủ (2015), *Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch*, Hà Nội.
19. Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa (1959), *Sắc lệnh số 59/SL ngày 15/11/1945 về ấn định thể lệ việc thị thực các giấy tờ của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa*.
20. Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1952), *Sắc lệnh số 85/SL ngày 29/2/1952*.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị Quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Ban chấp hành Trung ương về chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Thu Hương năm (2015), *Quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn thành phố Hà Nội*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Văn Diệu Kiều Oanh (2014), *Quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Luật Học, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
24. Phòng Tư pháp huyện Mỹ Đức (2012), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2012*, Hà Nội.
25. Phòng Tư pháp huyện Mỹ Đức (2013), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2013*, Hà Nội.
26. Phòng Tư pháp huyện Mỹ Đức (2014), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2014*, Hà Nội.
27. Phòng Tư pháp huyện Mỹ Đức (2015), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2015*, Hà Nội.
28. Phòng Tư pháp huyện Mỹ Đức (2016), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2016*, Hà Nội.

29. Phòng Tư pháp huyện Mỹ Đức (2016), *Tổng hợp rà soát công chức Tư pháp – hộ tịch xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
30. Quốc Hội, *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
31. Quốc Hội, *Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015*
32. Thịnh Thị Quyên (2016), *Chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã – qua thực tiễn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Luật Học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
33. Sở Tư Pháp Hà Nội (2013), *Cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ công tác hộ tịch và chứng thực cho cán bộ Tư pháp – hộ tịch cấp xã*, Hà Nội.
34. Vũ Thị Thảo (2015), *Đặc san tuyên truyền pháp luật số 02/2015 – Chủ đề pháp luật về chứng thực*, Bộ Tư pháp, Hà Nội.
35. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương*, Hà Nội.
36. Thành ủy Hà Nội (2011), *Chương trình số 08-CTr/TU ngày 18/10/2011 của Thành ủy về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2011 -2015”*, Hà Nội.
37. Vũ Thị Trang (2015), *Quản lý nhà nước về chứng thực ở cấp xã, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện hành chính Quốc gia, Hà Nội.
38. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2011), *Quyết định số 2492/QĐ – UBND ngày 02/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*, Hà Nội.

39. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2012), *Quyết định số 4046/QĐ – UBND ngày 31/8/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính đang thực hiện tại cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội, Hà Nội.*
40. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2015), *Công văn số 2354/UBND-NC ngày 10/4/2015 về việc công chứng, chứng thực các hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất, nhà trên địa bàn thành phố Hà Nội, Hà Nội.*
41. Viện ngôn ngữ học (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.